

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Sinh viên : Đỗ Ngọc Thái

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Như Trang

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CHO VAY XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO
TẠI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HUYỆN
AN DƯƠNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

Sinh viên : Đỗ Ngọc Thái

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Như Trang

HẢI PHÒNG - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đỗ Ngọc Thái

Mã SV: 1412404046

Lớp: QT1801T

Ngành: Tài chính ngân hàng

Tên đề tài: Phân tích tình hình cho vay xóa đói giảm nghèo tại
Ngân hàng chính sách xã hội Huyện An Dương

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Tìm hiểu cơ sở lý luận về hiệu quả cho vay đối với người nghèo tại Ngân hàng Chính sách xã hội.
 - Tìm hiểu thực trạng hoạt động cho vay đối với người nghèo tại NHCSXH huyện An Dương, Hải Phòng (2015-2017)
 - Đưa ra một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả cho vay đối với người nghèo tại NHCSXH.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Số liệu từ các tài liệu liên quan tại cơ quan thực tập: Báo cáo kết quả hoạt động của NHCSXH huyện An Dương trong 3 năm 2015 – 2017.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Ngân hàng Chính sách xã hội huyện An Dương, Hải Phòng.
 - Địa điểm: **Thôn Vân Tra Tỉnh Lộ 208, Thị Trấn An Dương, Huyện An Dương, Thành Phố Hải Phòng.**

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Như Trang

Học hàm, học vị: Giảng viên

Cơ quan công tác: Trường đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Phân tích tình hình cho vay xóa đói giảm nghèo tại

Ngân hàng chính sách xã hội huyện An Dương, Hải Phòng

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I MỘT SỐ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ HOẠT ĐỘNG CHO VAY XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI	4
1.1. Những vấn đề chung về đói nghèo.	4
1.1.1 Thế nào là đói nghèo	4
1.1.1.1 Các khái niệm về đói nghèo.....	4
1.1.1.2 Tiêu chí xác định hộ nghèo.....	4
1.1.2 Đặc tính của hộ nghèo.	6
Người nghèo thường có những đặc tính tâm lý và nếp sống khác hẳn với những khách hàng khác, thể hiện:	6
1.1.3. Nguyên nhân đói nghèo tại Việt Nam.	6
1.1.3.1/ Nguyên nhân chủ quan:	6
1.1.3.2/ Nguyên nhân khách quan:	7
1.1.3.3/ Nhóm nguyên nhân thuộc về cơ chế chính sách:	7
1.1.4. Mục tiêu xoá đói giảm nghèo của Việt Nam:	7
1.2. Hoạt động cho vay xoá đói giảm nghèo của Ngân hàng Chính sách xã hội.	8
1.2.1. Tín dụng đối với hộ nghèo:	8
1.2.2. Vai trò của hoạt động cho vay hộ nghèo của Ngân hàng Chính sách xã hội:	8
1.2.3. Đặc điểm cho vay hộ nghèo của Ngân hàng chính sách xã hội:	11
1.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động cho vay hộ nghèo.....	12
1.2.5. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả tín dụng đối với hộ nghèo.	13
CHƯƠNG II THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CHO VAY HỘ NGHÈO CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HUYỆN AN DƯƠNG – TP HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2015- 2017).....	15
2.1. Giới thiệu về Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.	15
2.1.1. Sự ra đời của Ngân hàng CSXH huyện An Dương.....	15
2.1.2. Chức năng,nhiệm vụ của Ngân hàng CSXH huyện An Dương.	16
2.1.2.1/ Chức năng của Phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương.....	16
2.1.2.2/ Nhiệm vụ của Phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương	16
2.1.3. Cơ cấu tổ chức của Phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương.	17

2.1.3.1/ Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý:	17
2.1.3.2/ Chức năng và nhiệm vụ của các Ban Giám đốc và các Tổ nghiệp vụ:	17
2.1.4. Môi trường hoạt động.....	18
2.1.5. Kết quả hoạt động của Phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương giai đoạn 2015-2017:.....	19
2.2 – Thực trạng hoạt động cho vay xoá đói giảm nghèo của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện An Dương thành phố Hải Phòng.	26
2.2.1.1/ Mục đích cho vay:	26
2.2.1.2/ Đối tượng áp dụng:	26
2.2.1.4/ Điều kiện vay vốn:	26
2.2.1.5/ Loại cho vay và thời hạn cho vay:	28
2.2.1.6/ Lãi suất cho vay:.....	28
2.2.1.7/ Phương thức cho vay:	29
2.2.1.8/ Mức cho vay:.....	29
2.2.1.9/ Bộ hồ sơ cho vay:	29
2.2.1.10/ Quy trình thủ tục cho vay:	30
2.2.1.11/ Định kỳ hạn trả nợ, thu nợ, thu lãi:.....	32
2.2.1.12/ Xử lý nợ đến hạn:	34
2.2.1.13/ Xử lý nợ bị rủi ro:.....	36
2.2.1.14/ Kiểm tra vốn vay:	37
2.2.2. Thực trạng cho vay hộ nghèo của NHCSXH huyện An Dương	38
2.2.2.1/ Tình hình chung của cho vay hộ nghèo:	38
2.2.2.2/ Tình hình cho vay hộ nghèo theo thời hạn vay:.....	40
2.2.2.3/ Tình hình uỷ thác cho vay hộ nghèo qua các Tổ chức Chính trị-xã hội.43	
2.2.2.4 <i>Phân tích tình hình cho vay hộ nghèo theo ngành nghề.</i>	50
2.3. Đánh giá thực trạng cho vay xoá đói giảm nghèo tại Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện An Dương.	53
2.3.1. Những ưu điểm.....	53
2.3.2. Những tồn tại , hạn chế:.....	54
2.3.3. Nguyên nhân:	55
CHƯƠNG III. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHO VAY HỘ NGHÈO TẠI NHCXSXH HUYỆN AN DƯƠNG	57
3.1 Định hướng hoạt động của ngân hàng chính sách xã huyện An Dương .	57
3.1.1 Định hướng hoạt động của NHCSXH Việt Nam đến năm 2020	57

3.1.2	Định hướng hoạt động cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện An Dương.....	57
3.2	Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay xóa đói giảm nghèo tại phòng giao dịch chính sách xã hội huyện An Dương.	58
3.2.1	Đẩy mạnh hoạt động huy động vốn để đáp ứng nhu cầu vay vốn ngày càng tăng của hộ nghèo.	59
3.2.2	Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát kết hợp với hướng dẫn hộ nghèo quản lý sử dụng vốn có hiệu quả.	60
3.2.3	Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.	61
3.2.4	Nâng cao chất lượng hoạt động ủy thác cho vay hộ nghèo thông qua các tổ chức chính trị - xã hội.....	62
	KẾT LUẬN.....	65
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	67

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: Cơ cấu nguồn vốn tín dụng ưu đãi-chương trình cho vay hộ nghèo-giai đoạn 2015-2017.....	19
Bảng 2.2 : Kết quả hoạt động tài chính của Phòng giao dịch Ngân Hàng CSXH Huyện An Dương trong giai đoạn 2015 – 2017.....	21
Bảng 2.3. Tình hình cho vay các chương trình tín dụng ưu đãi trên địa bàn huyện An Dương giai đoạn 2015- 2017.....	23
Bảng 2.4- Doanh số cho vay, thu nợ chương trình cho vay hộ nghèo tại Phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương-TP Hải Phòng (2015 - 2017).....	39
Bảng 2.5: Tình hình cho vay hộ nghèo theo thời hạn vay giai đoạn 2015-2017.	41
Bảng 2.6: Doanh số cho vay hộ nghèo uỷ thác thông qua các tổ chức Chính trị - xã hội huyện An Dương (2015-2017).....	44
Bảng 2.7: Tình hình thu nợ cho vay hộ nghèo tại Phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương (2015-2017).	46
Bảng 2.8 Tổng dư nợ và số hộ vay uỷ thác chương trình cho vay hộ nghèo thông qua các tổ chức Chính trị - xã hội huyện An Dương.	48

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	TỪ VIẾT ĐẦY ĐỦ
1	CN	Chi nhánh
2	CCB	Cựu chiến binh
3	ĐTCS	Đối tượng chính sách
4	GQVL	Giải quyết việc làm
5	HĐQT	Hội đồng quản trị
6	HCN	Hộ cận nghèo
7	HN	Hộ nghèo
8	HSSV	Học sinh sinh viên
9	KH-NV	Kế hoạch nghiệp vụ
10	KHTC	Kế hoạch tài chính
11	KT-NQ	Kế toán ngân quỹ
12	NHCSXH	Ngân hàng chính sách xã hội
13	SXKD	Sản xuất kinh doanh
14	TK&VV	Tiết kiệm và vay vốn
15	UBND	Ủy ban nhân dân
16	XKLĐ	Xuất khẩu lao động
17	XĐGN	Xóa đói giảm nghèo

LỜI CẢM ƠN

Được sự hướng dẫn và giảng dạy nhiệt tình của thầy cô trong bốn năm qua và được sự giúp đỡ tận tình của các cô chú, anh chị tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện An Dương, Hải Phòng, em đã hoàn thành khóa luận của mình.

Em xin chân thành cảm ơn tất cả các thầy cô đã truyền đạt kiến thức và kinh nghiệm quý báu giúp em có được nền tảng học vấn vững chắc phục vụ cho quá trình nghiên cứu, thực hiện khóa luận tốt nghiệp và quá trình công tác sau này.

Xin chân thành cảm ơn sự quan tâm, giúp đỡ nhiệt tình của các cô chú, anh chị Ngân hàng chính sách xã hội Huyện An Dương, Hải Phòng đã tạo mọi điều kiện thuận lợi giúp em hoàn thành khóa luận của mình.

Mặc dù có nhiều cố gắng nhưng do thời gian, kiến thức cũng như kinh nghiệm thực tế nghiên cứu lĩnh vực hiệu quả hoạt động tín dụng đối với người nghèo ngắn nên em không tránh khỏi nhiều thiếu sót và hạn chế. Kính mong được sự hướng dẫn, đóng góp ý kiến của thầy cô.

Hải Phòng, ngày 3 tháng 9 năm 2018

Sinh viên thực hiện

Đỗ Ngọc Thái

LỜI MỞ ĐẦU

I/ Tính cấp thiết của đề tài:

Đói nghèo là một vấn đề xã hội mang tính toàn cầu. Những năm gần đây, nhờ có chính sách đổi mới, nền kinh tế nước ta tăng trưởng nhanh, đại bộ phận đời sống nhân dân đã được tăng lên một cách rõ rệt. Song, một bộ phận không nhỏ dân cư đặc biệt là dân cư ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa...đang chịu cảnh nghèo đói, chưa đảm bảo được những điều kiện tối thiểu của cuộc sống. Sự phân hóa giàu nghèo đang diễn ra mạnh là vấn đề xã hội cần được quan tâm.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến đói nghèo, trong đó có một nguyên nhân quan trọng đó là: thiếu vốn sản xuất kinh doanh. Chính vì vậy Đảng và Nhà nước ta đã xác định tín dụng ưu đãi là một chính sách không thể thiếu trong hệ thống các chính sách phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam.

Xuất phát từ những yêu cầu đòi hỏi trên đây, ngày 4 tháng 10 năm 2002, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 78/2002/NĐ-CP về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; trên cơ sở tổ chức lại Ngân hàng phục vụ người nghèo trước đây nhằm thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi của Chính phủ để thực hiện mục tiêu Quốc gia xoá đói giảm nghèo và an sinh xã hội.

Trong quá trình cho vay nổi lên vấn đề là hiệu quả sử dụng vốn tín dụng ưu đãi còn thấp ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Vì vậy, làm thế nào để người nghèo nhận được và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ưu đãi của Chính phủ; chất lượng cuộc sống được nâng cao nhằm đảm bảo cho sự phát triển bền vững của mục tiêu quốc gia xoá đói giảm nghèo và bảo toàn được nguồn vốn, Chính phủ đã thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) để thực hiện tín dụng ưu đãi của Chính phủ đối với mục tiêu xoá đói giảm nghèo và an sinh xã hội.

Ngân hàng CSXH ra đời là cơ quan trực tiếp thực hiện các chính sách của Chính phủ nên điều kiện cho vay thuận lợi và tinh giảm hơn nhiều so với trước. Thông qua hoạt động cho vay Ngân hàng giúp cho các hộ nghèo có vốn để họ có điều kiện sản xuất, kinh doanh và góp vốn tham gia vào các thành phần kinh tế hoạt động tốt trong quá trình sản xuất.

Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện An Dương là một đơn vị trực thuộc Chi nhánh Ngân hàng CSXH thành phố Hải Phòng có nhiệm vụ thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi của Chính phủ trên địa bàn An Dương. Để hiểu rõ hơn hoạt động của Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH An Dương trong thời gian thực hiện cho vay xóa đói giảm nghèo, sự cho phép của giảng viên hướng dẫn và lãnh đạo Ngân hàng Chính sách xã hội huyện An Dương em xin chọn đề tài: **“Phân tích tình hình cho vay Xóa đói giảm nghèo tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện An Dương - TP Hải Phòng”** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

II/ Mục đích :

Mục đích nghiên cứu của đề tài là tìm hiểu lí luận và thực trạng hoạt động cho vay đối với chương trình XĐGN của phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương nhằm đề xuất đưa ra các giải pháp kiến nghị nâng cao hơn nữa hiệu quả tín dụng đối với hộ nghèo tại NHCSXH huyện An Dương.

III/ Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

Đói nghèo xảy ra như một điều tất yếu trong xã hội, là một vấn đề bức bách đối với mọi quốc gia; để hiểu rõ hơn về xóa đói giảm nghèo chúng ta đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu chương trình cho vay xóa đói giảm nghèo trong giai đoạn 2015-2017 tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện An Dương trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

IV/ Phương pháp nghiên cứu:

Khóa luận vận dụng tổng hợp phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử làm cơ sở lý luận và phương pháp luận.

Sử dụng tổng hợp các phương pháp luận, kết hợp thực tiễn, phân tích tổng hợp, logic, lịch sử và hệ thống, dùng phương pháp khảo cứu, điều tra, thống kê, phân tích hoạt động kinh tế và sử lý hệ thống.

V/ Kết cấu khóa luận : gồm có 3 chương:

*/Chương I: Một số lý luận cơ bản về hoạt động cho vay xóa đói giảm nghèo của Ngân hàng chính sách xã hội.

*/ Chương II: Thực trạng hoạt động cho vay hộ nghèo của Ngân hàng chính sách xã hội huyện An Dương, thành phố Hải Phòng (giai đoạn 2015-2017) .

*/ Chương III: Giải pháp nâng cao hiệu quả cho vay xóa đói giảm nghèo tại ngân hàng chính sách xã hội huyện An Dương

Để hoàn thành khóa luận này em xin chân thành cảm ơn sự quan tâm, giúp đỡ và hướng dẫn tận tình của giảng viên Trần Thị Như Trang, Đại học Dân lập Hải Phòng; Ban giám đốc cùng Tập thể cán bộ nhân viên Phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương.

Phạm vi và nội dung đề tài rộng, song do thời gian còn hạn chế và kiến thức chưa nhiều nên khóa luận không thể tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong nhận được sự đóng góp bổ sung ý kiến của quý thầy cô giáo và Ban lãnh đạo Ngân hàng CSXH huyện An Dương để em hoàn thành tốt khóa luận tốt nghiệp của mình.

Em xin chân thành cảm ơn !

CHƯƠNG I

MỘT SỐ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ HOẠT ĐỘNG CHO VAY XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI.

1.1. Những vấn đề chung về đói nghèo.

1.1.1 Thế nào là đói nghèo

1.1.1.1 Các khái niệm về đói nghèo.

Để đánh giá đúng mức độ nghèo, người ta chia thành hai loại: nghèo tuyệt đối và nghèo tương đối.

Nghèo tuyệt đối: Là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thỏa mãn những nhu cầu cơ bản, tối thiểu để duy trì cuộc sống (nhu cầu về ăn, mặc, nhà ở, chăm sóc y tế, giáo dục...)

Nghèo tương đối: Là tình trạng một bộ phận dân cư có mức sống dưới trung bình của cộng đồng địa phương ở một thời kỳ nhất định.

Những quan niệm về đói nghèo nói trên phản ánh ba khía cạnh chủ yếu của người nghèo là : có mức sống thấp hơn mức sống cộng đồng không được thụ hưởng nhu cầu cơ bản mức tối thiểu dành cho con người, thiếu cơ hội lựa chọn tham gia vào quá trình phát triển của cộng đồng.

Nghèo tuyệt đối chủ yếu phản ánh tình trạng của một bộ phận dân cư không được thỏa mãn những nhu cầu tối thiểu của con người, trước hết là ăn, mặc, ở...nghèo tương đối lại phản ánh sự chênh lệch về mức sống của một bộ phận dân cư khi so sánh với mức sống trung bình của cộng đồng địa phương trong một thời kỳ nhất định. Do đó, có thể xóa dần nghèo tuyệt đối, còn nghèo tương đối luôn xảy ra trong xã hội, vấn đề quan tâm ở đây là rút ngắn khoảng cách chênh lệch giàu nghèo và hạn chế sự phân hóa giàu nghèo, giảm thiểu tới mức thấp nhất tỷ lệ nghèo tương đối.

1.1.1.2 Tiêu chí xác định hộ nghèo.

Theo thông tư 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 06 năm 2016 và 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về

chuẩn nghèo gia đoạn 2006-2017 quy định cụ thể về mức thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo và hộ gia đình khó khăn được xác định theo khu vực: thành thị và nông thôn.

1. Hộ nghèo

a) Khu vực nông thôn: là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:

- Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 700.000 đồng trở xuống;
- Có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Khu vực thành thị: là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:

- Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 900.000 đồng trở xuống;
- Có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 900.000 đồng đến 1.300.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

2. Hộ cận nghèo

a) Khu vực nông thôn: là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

b) Khu vực thành thị: là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 900.000 đồng đến 1.300.000 đồng và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

3. Hộ có mức sống trung bình

a) Khu vực nông thôn: là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng.

b) Khu vực thành thị: là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.300.000 đồng đến 1.950.000 đồng.

1.1.2 Đặc tính của hộ nghèo.

Người nghèo thường có những đặc tính tâm lý và nếp sống khác hẳn với những khách hàng khác, thể hiện:

- Người nghèo thường tự ti, ít tiếp xúc, phạm vi giao tiếp hẹp.

- Bị hạn chế về khả năng, kỹ năng sản xuất kinh doanh, chính vì vậy người nghèo thường tổ chức sản xuất theo thói quen, chưa biết mở mang ngành nghề, và chưa có điều kiện tiếp xúc với thị trường do sản xuất còn mang tính tự cung tự cấp, chế tạo được sản phẩm hàng hóa và đối tượng sản xuất kinh doanh thường thay đổi.

- Phong tục tập quán sinh hoạt và truyền thống văn hóa của người nghèo tác động tới nhu cầu tín dụng.

- Khoảng cách giữa Ngân hàng và nơi người nghèo sinh sống đang là trở ngại, người nghèo thường sống ở những nơi có cơ sở hạ tầng yếu kém.

- Người nghèo thường sử dụng vốn vào sản xuất nông nghiệp là chủ yếu hoặc những ngành nghề buôn bán nhỏ. Do vậy mà nhu cầu vốn thường mang tính thời vụ.

1.1.3. Nguyên nhân đói nghèo tại Việt Nam.

Đói nghèo là hậu quả của nhiều nguyên nhân: Ở Việt Nam, những nguyên nhân chính gây ra đói nghèo có thể phân làm 3 nhóm:

1.1.3.1/ Nguyên nhân chủ quan:

Thiếu vốn sản xuất: các tài liệu điều tra cho thấy đây là nguyên nhân chủ yếu nhất. Nông dân thiếu vốn thường rơi vào vòng lẩn quẩn, sản xuất kém, làm không đủ ăn, phải đi thuê, đi vay để đảm bảo cuộc sống tối thiểu hàng ngày. Có thể nói: Thiếu vốn sản xuất là một lực cản lớn nhất hạn chế sự phát triển của sản xuất và nâng cao đời sống của các hộ nghèo.

Thiếu kinh nghiệm và kiến thức làm ăn: Phương pháp canh tác cổ điển đã ăn sâu và tiềm thức, sản xuất tự cung cấp là chính, thường sống ở những nơi hẻo lánh, giao thông đi lại khó khăn, thiếu phương tiện, con cái thất học... Những khó khăn đó làm cho hộ nghèo không thể nâng cao trình độ dân trí, không có điều

kiện áp dụng khoa học kỹ thuật vào canh tác, thiếu kinh nghiệm và trình độ sản xuất kinh doanh dẫn đến năng suất thấp, không hiệu quả.

Bệnh tật và sức khoẻ yếu kém cùng là yếu tố đẩy con người vào tình trạng nghèo đói trầm trọng.

Đất canh tác ít, tình trạng không có đất canh tác đang có xu hướng tăng lên.

Thiếu việc làm, không năng động tìm việc làm, lười biếng. Mặc khác do hậu quả của chiến tranh dẫn đến nhiều người bị mất sức lao động, nhiều phụ nữ bị goá phụ dẫn tới thiếu lao động, hoặc thiếu lao động trẻ, khoẻ có khả năng đảm nhiệm những công việc nặng nhọc.

Gặp rủi ro trong cuộc sống, người nghèo thường sống ở những nơi hẻo lánh, xa trung tâm, thời tiết khắc nghiệt, nơi mà thường xảy ra hạn hán, lũ lụt, dịch bệnh... Cũng chính do thường sống ở những nơi hẻo lánh, giao thông đi lại khó khăn mà hàng hoá sản xuất của họ thường bị bán rẻ (do chi phí giao thông) hoặc không bán được, chất lượng hàng hoá giảm sút do lưu thông không kịp thời.

1.1.3.2/ Nguyên nhân khách quan:

Khí hậu khắc nghiệt, thiên tai, lũ lụt, hạn hán, đất đai cằn cỗi, địa hình phức tạp, giao thông khó khăn, kinh tế chậm phát triển, hậu quả chiến tranh để lại.

1.1.3.3/ Nhóm nguyên nhân thuộc về cơ chế chính sách:

Thiếu hoặc không đồng bộ về chính sách đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các khu vực khó khăn, chính sách khuyến khích sản xuất, vốn tín dụng, hướng dẫn cách làm ăn, khuyến nông, lâm, ngư, chính sách trong giáo dục đào tạo, y tế, giải quyết đất đai, định canh định cư, kinh tế mới và nguồn đầu tư còn hạn chế.

Việc xác định nguyên nhân nghèo rất quan trọng, là cơ sở để đề ra các giải pháp để hỗ trợ hộ nghèo, người nghèo có hiệu quả. Chính vì vậy, các địa phương cần tìm ra xây dựng chương trình XĐGN và việc làm.

1.1.4. Mục tiêu xoá đói giảm nghèo của Việt Nam:

Xoá đói giảm nghèo là một chiến lược của Chính phủ Việt Nam nhằm giải quyết vấn đề đói nghèo và phát triển kinh tế tại Việt Nam.

Gồm 8 mục tiêu:

- Xoá bỏ tình trạng cùng cực và thiếu đói.
- Đạt phổ cập giáo dục tiểu học.
- Tăng cường bình đẳng giới và nâng cao vị thế phụ nữ.
- Giảm tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh.
- Tăng cường sức khoẻ bà mẹ.
- Phòng chống bệnh HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh khác.
- Đảm bảo bền vững môi trường.
- Thiết lập quan hệ đối tác toàn cầu vì mục đích phát triển.

Những mục tiêu này mang kết quả trực tiếp và gián tiếp XDGN một cách bền vững bởi nguy cơ đói nghèo, tái đói nghèo đều có thể xảy ra trong những biến cố của môi trường thiên nhiên, của quá trình hội nhập và phát triển. Một quốc gia khi không giải quyết dứt điểm XDGN thì luôn ẩn chứa nguy cơ phát triển không bền vững dẫn đến những hậu quả bất ổn kinh tế - xã hội.

Những mục tiêu đó cũng gợi mở những phương thức tác động trực tiếp hay gián tiếp đến XDGN.

1.2. Hoạt động cho vay xoá đói giảm nghèo của Ngân hàng Chính sách xã hội.

1.2.1. Tín dụng đối với hộ nghèo:

Tín dụng đối với hộ nghèo là việc sử dụng các nguồn lực tài chính do nhà nước huy động để cho người nghèo vay ưu đãi để sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, cải thiện đời sống, góp phần thực hiện chương trình mục tiêu XDGN, ổn định xã hội.

1.2.2. Vai trò của hoạt động cho vay hộ nghèo của Ngân hàng Chính sách xã hội:

Trong nhiều nguyên nhân dẫn đến nghèo đói, có nguyên nhân chủ yếu và cơ bản là do thiếu vốn, thiếu kiến thức làm ăn. Vốn, kỹ thuật, kiến thức làm ăn

là “chìa khoá” để người nghèo vượt khỏi ngưỡng nghèo đói. Do không đáp ứng đủ vốn nhiều người rơi vào tình thế lẩn quẩn làm không đủ ăn, phải đi làm thuê, vay nặng lãi, cầm cố ruộng đất mong đảm bảo được cuộc sống tối thiểu hàng ngày, nhưng nguy cơ nghèo đói vẫn thường xuyên đe dọa họ. Mặt khác do thiếu kiến thức làm ăn nên họ chậm đổi mới tư duy làm ăn, bảo thủ với phương thức cũ, không áp dụng kỹ thuật mới để tăng năng suất lao động làm cho sản phẩm sản xuất ra kém hiệu quả. Thiếu kiến thức và kỹ thuật làm ăn là một lực cản lớn nhất hạn chế tăng thu nhập và cải thiện đời sống hộ gia đình nghèo. Khi giải quyết được vốn cho người nghèo vay sẽ có tác dụng hiệu quả thiết thực. Do đó vai trò của hoạt động tín dụng hộ nghèo của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tại địa bàn hết sức quan trọng.

a. Là động lực giúp người nghèo vượt qua nghèo đói:

Người nghèo đói do nhiều nguyên nhân như: già, yếu, đau ốm, không có sức lao động; đông con dẫn đến thiếu lao động; do mắc phải tệ nạn xã hội, lười lao động; do không được đầu tư, do thiếu vốn; do điều kiện tự nhiên không thuận lợi; do thiếu kiến thức trong sản xuất kinh doanh... Trong thực tế ở nông thôn Việt Nam bản chất của những người nông dân là tiết kiệm, cần cù, nhưng nghèo đói là do không có vốn để đầu tư sản xuất, thâm canh, tổ chức kinh doanh. Vì vậy, vốn đối với họ là điều kiện tiên quyết, là động lực đầu tiên giúp họ vượt qua khó khăn để thoát nghèo. Khi có vốn trong tay, với bản chất cần cù của người nông dân, bằng chính sức lao động của bản thân và gia đình họ có điều kiện mua sắm vật tư, cây giống, phân bón để sản xuất thực hiện thâm canh tạo ra năng suất và sản phẩm hàng hoá cao hơn, tăng thu nhập, cải thiện đời sống.

b. Góp phần hạn chế cho vay nặng lãi, nên hiệu quả hoạt động kinh tế được nâng cao hơn:

Những người nghèo do hoàn cảnh bắt buộc hoặc để chi dùng cho sản xuất, hoặc để duy trì cho cuộc sống của họ là những người chịu sự bóc lột bằng thóc hoặc bằng tiền nhiều nhất của nạn cho vay nặng lãi. Chính vì thế khi nguồn vốn

tín dụng ưu đãi đến tận tay người nghèo với số lượng khách hàng lớn thì các chủ cho vay nặng lãi sẽ không có thị trường hoạt động.

c. Góp phần nâng cao kiến thức tiếp cận với thị trường:

Cung ứng vốn cho người nghèo theo chương trình, với mục tiêu đầu tư cho sản xuất kinh doanh để xoá đói giảm nghèo, thông qua kênh tín dụng thu hồi vốn và lãi đã buộc những người vay phải tính toán trồng cây gì, nuôi con gì, làm nghề gì và làm như thế nào để có hiệu quả kinh tế cao. Để làm được điều đó họ phải tìm hiểu học hỏi kỹ thuật sản xuất, suy nghĩ biện pháp quản lý từ đó tạo cho họ tính năng động sáng tạo trong lao động sản xuất, tích lũy được kinh nghiệm trong công tác quản lý kinh tế. Mặt khác, khi số đông người nghèo đói tạo ra được nhiều sản phẩm hàng hoá thông qua việc trao đổi trên thị trường làm cho họ tiếp cận với kinh tế thị trường một cách trực tiếp.

d. Góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn và phân công lại lao động xã hội:

Trong nông nghiệp, vấn đề quan trọng hiện nay đề di lên một nền sản xuất hàng hoá lớn đòi hỏi phải áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất. Đó là việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và đưa các loại giống mới có năng suất cao vào áp dụng trong thực tiễn sản xuất và phải được thực hiện trên diện rộng. Để làm được điều này, đòi hỏi phải đầu tư một lượng vốn lớn, thực hiện được khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư...những người nghèo phải được đầu tư vốn họ mới có khả năng thực hiện. Như vậy, thông qua các tín dụng đầu tư cho người nghèo đã trực tiếp góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn thông qua áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tạo ra các ngành nghề dịch vụ mới trong nông nghiệp đã tiếp tục góp phần vào việc phân công lại lao động trong nông nghiệp và lao động xã hội.

e. Góp phần xây dựng nông thôn mới:

Xoá đói giảm nghèo là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, của các cấp, các ngành. Tín dụng cho người nghèo thông qua các quy định về mặt nghiệp vụ cụ thể của nó như việc bình xét công khai những người vay vốn, tạo ra sự tham

gia phối hợp chặt chẽ giữa các đoàn thể chính trị xã hội, các cấp uỷ, chính quyền, đã có tác dụng:

- Tăng cường hiệu lực của cấp uỷ, chính quyền trong lãnh đạo, chỉ đạo kinh tế ở địa phương.

- Tạo ra sự gắn bó giữa hội viên, đoàn viên với các tổ chức hội đoàn thể của mình, thông qua việc hướng dẫn giúp đỡ kỹ thuật sản xuất, kinh nghiệm quản lý kinh tế gia đình, quyền lợi kinh tế của tổ chức hội thông qua việc vay vốn.

- Thông qua các tổ tương hỗ được thành lập bởi các tổ chức hội đoàn thể sẽ tạo điều kiện cho những hộ nghèo và chính sách vay vốn có cùng hoàn cảnh được gần gũi, tương thân, tương ái, giúp đỡ nhau tăng cường tình làng, nghĩa xóm, tạo niềm tin đối với Đảng, Nhà nước.

Kết quả phát triển kinh tế đã làm thay đổi đời sống kinh tế ở nông thôn, an ninh, trật tự an toàn xã hội phát triển tốt, hạn chế được những mặt tiêu cực, tạo ra được bộ mặt mới trong đời sống kinh tế xã hội ở thành thị và nông thôn.

1.2.3. Đặc điểm cho vay hộ nghèo của Ngân hàng chính sách xã hội:

Về khách hàng và phạm vi hoạt động: nước ta là một nước nghèo, dân số đông, phần lớn dân số là lao động sản xuất nông nghiệp tập trung ở vùng nông thôn nên số lượng khách hàng có nhu cầu vay vốn là rất lớn, phạm vi trải rộng trên khắp nước.

Về món vay: số lượng khách hàng có nhu cầu vay thì lớn trong khi đó nguồn vốn của Ngân hàng có hạn, vậy nên Ngân hàng chỉ cho vay với hạn mức nhất định, món vay thường nhỏ, một điều nữa là phần đông người lao động nghèo thường nhút nhát chỉ sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ nên nhu cầu vốn của họ thường không lớn.

Về đối tượng vay vốn: để đảm bảo thực hiện đúng chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về cho vay ưu đãi, cho vay với lãi suất cho vay thấp và không tốn khoảng phí nào khác, để đảm bảo cho nguồn vốn đến được với người nghèo cần vay vốn thì đối tượng vay vốn Ngân hàng lựa chọn xét duyệt thông qua tổ TK & VV và Ban XĐGN xã.

Về phương thức cho vay: phương thức cho vay uỷ thác từng phần thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, giải ngân tại xã, thực hiện công khai, minh bạch có sự giám sát của chính quyền, của cộng đồng xã hội.

Hoạt động tín dụng đối với hộ nghèo là hoạt động có tính rủi ro cao. Ngoài những nguyên nhân khách quan như thiên tai, bão lụt, dịch bệnh cây trồng vật nuôi, và nguyên nhân khác từ bản thân hộ nghèo như: thiếu kiến thức làm ăn, sản phẩm làm ra không tiêu thụ được, sức cạnh tranh kém, ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả đầu tư.

Cho vay hộ nghèo với lãi suất ưu đãi, không phải thế chấp, cầm cố tài sản, thủ tục cho vay đơn giản thông qua các tổ vay vốn ở xã phường. Hàng triệu người nghèo được vay vốn sản xuất, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống, làm quen với dịch vụ Ngân hàng, hàng trăm hộ nghèo vay vốn đã thoát khỏi ngưỡng nghèo.

1.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động cho vay hộ nghèo.

Ngân hàng muốn hoạt động được cần phải có nguồn vốn, đây là yếu tố quan trọng của mọi Ngân hàng. Khác với Ngân hàng thương mại cơ cấu nguồn vốn của nó ảnh hưởng đến mục tiêu hoạt động của Ngân hàng. Bên cạnh đó nguồn vốn huy động cũng không kém phần quan trọng. Nhưng Ngân hàng chính sách xã hội rất khó huy động vốn từ thị trường, vậy nên nguồn vốn hoạt động của Ngân hàng chủ yếu là từ nguồn vốn Trung Ương. Đây là một nguồn vốn lớn song nếu chỉ dựa vào nguồn vốn này, hoạt động của Ngân hàng sẽ ảnh hưởng đến tốc độ giải ngân theo nhu cầu của người nghèo. Hơn nữa nhu cầu vốn vay của người nghèo hiện nay rất lớn nhưng nguồn vốn Ngân hàng có hạn, do đó cần thiết phải tăng cường nguồn vốn tại địa phương. Nhất là nguồn vốn của ngân sách thành phố, có như vậy mới tạo điều kiện cho Ngân hàng hoạt động và phát triển bền vững.

Trong bối cảnh đó, Đảng và Nhà nước đã tìm mọi cách tháo gỡ khó khăn, quyết tâm thực hiện chủ trương xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội. NHCSXH tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp, kịp thời và có hiệu

lực của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của các tổ chức chính trị - xã hội, tạo thuận lợi cho NHCSXH thực hiện các chương trình tín dụng chính sách đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác một cách kịp thời, đầy đủ, đảm bảo vốn tín dụng đến đúng địa chỉ người thu hưởng chính sách.

1.2.5. Các tiêu chí đánh giá hiệu quả tín dụng đối với hộ nghèo.

Chất lượng tín dụng và hiệu quả tín dụng là hai tiêu chí quan trọng trong hoạt động cho vay của Ngân hàng. Hai chỉ tiêu này có điểm giống nhau đều là chỉ tiêu phản ánh lợi ích do vốn tín dụng mang lại cho khách hàng và ngân hàng về mặt kinh tế. Nhưng hiệu quả tín dụng mang lại cụ thể và tính toán được giữa lợi ích thu được với chi phí bỏ ra trong quá trình đầu tư tín dụng thông qua các chỉ tiêu:

-Luỹ kế số lượt hộ nghèo được vay vốn Ngân hàng: chỉ tiêu này cho biết số hộ nghèo đã được sử dụng vốn tín dụng ưu đãi trên tổng số hộ nghèo trên địa bàn, đây là chỉ tiêu đánh giá chất lượng. Chỉ tiêu này được tính luỹ kế từ hộ vay đầu tiên đến hết kỳ cần báo cáo kết quả.

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số} \\ \text{lượt hộ nghèo} \\ \text{được vay vốn} \end{array} = \begin{array}{l} \text{luỹ kế số lượt hộ} \\ \text{được vay vốn đến} \\ \text{cuối kỳ trước} \end{array} + \begin{array}{l} \text{luỹ kế số lượt hộ} \\ \text{được vay trong kì} \\ \text{báo cáo} \end{array}$$

-Tỷ lệ hộ nghèo được vay vốn: Đây là chỉ tiêu đánh giá về mặt lượng đối với công tác tín dụng; bằng tổng số hộ nghèo được vay vốn trên tổng số hộ nghèo đối theo chuẩn mực được công bố.

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ hộ} \\ \text{Nghèo được} \\ \text{Vay vốn} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Tổng số hộ nghèo được vay vốn} \\ \text{Tổng số hộ nghèo trong danh sách} \end{array}}{\quad} * 100$$

- Số tiền vay bình quân 1 hộ: Chỉ tiêu này đánh giá mức đầu tư cho một hộ ngày càng tăng lên hay giảm xuống, điều đó chứng tỏ việc cho vay có đáp ứng được nhu cầu thực tế của các hộ nghèo hay không.

$$\begin{array}{l} \text{Số tiền cho} \qquad \qquad \qquad \text{Dư nợ cho vay đến hết thời điểm báo cáo} \\ \text{Vay bình quân} \quad = \quad \text{-----} \\ \text{Một hộ} \qquad \qquad \qquad \text{Tổng số hộ còn dư nợ đến hết thời điểm báo cáo} \end{array}$$

Số hộ đã thoát ngưỡng nghèo đói: Là chỉ tiêu quan trọng nhất đánh giá hiệu quả của công tác tín dụng đối với hộ nghèo. Hộ đã thoát nghèo đói là hộ có mức thu nhập bình quân đầu người trong hộ cao hơn chuẩn mực nghèo đói hiện hành, không còn nằm trong danh sách hộ nghèo, có khả năng vươn lên hòa nhập với cộng đồng.

Nợ xấu: nợ xấu có thể là nợ trong hạn hoặc quá hạn mà Ngân hàng xét thấy là người vay không có khả năng trả nợ do người vay làm ăn kinh doanh thua lỗ, phá sản hoặc chết, mất tích hoặc do các rủi ro khách quan khác...

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CHO VAY HỘ NGHÈO CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HUYỆN AN DƯƠNG – TP HẢI PHÒNG (GIAI ĐOẠN 2015- 2017).

2.1. Giới thiệu về Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

2.1.1. Sự ra đời của Ngân hàng CSXH huyện An Dương.

Chi nhánh Ngân hàng CSXH thành phố Hải Phòng được thành lập theo Quyết định số 50/QĐ-HĐQT ngày 14/01/2003 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Ngày 26/03/2003 Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội TP Hải Phòng chính thức khai trương và đi vào hoạt động. Nhưng đến ngày 13/04/2003 mới có Quyết định của Tổng giám đốc ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam cho phép nhận bàn giao số liệu từ Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và Kho bạc Nhà nước về Ngân hàng Chính sách Xã hội TP Hải Phòng.

Ngân hàng Chính sách Xã hội TP Hải phòng thực hiện các nghiệp vụ tín dụng ưu đãi đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn Hải Phòng luôn nhận được sự quan tâm của lãnh đạo Thành ủy và Chính quyền địa phương, sự ủng hộ của các tổ chức, sự hợp tác chặt chẽ của người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam chỉ cho phép thành lập Phòng giao dịch cấp quận, huyện, còn các quận thuộc trung tâm thành phố thì Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố trực tiếp cho vay.

Thực hiện theo quyết định số: 292/QĐ-HĐQT ngày 10/05/2003 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng CSXH Việt Nam về việc thành lập Phòng giao dịch huyện An Dương trực thuộc Chi nhánh Ngân hàng CSXH thành phố Hải Phòng; Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện An Dương có nhiệm vụ thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi của Chính phủ đối với hộ nghèo và các đối tượng khác trên địa bàn An Dương.

Qua thời gian hoạt động, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện An Dương bước đầu đã phát huy tác dụng, nguồn vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội đã đến với từng hộ nghèo, góp phần tạo công ăn việc làm cho hàng ngàn người lao động thiếu vốn sản xuất, góp phần thực hiện công tác xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm tại địa phương.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của Ngân hàng CSXH huyện An Dương.

2.1.2.1/ Chức năng của Phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương

- Triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn.

- Thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về huy động vốn; cho vay và các dịch vụ Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách Xã hội.

- Nhận ủy thác cho vay ưu đãi của chính quyền địa phương, các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị- xã hội, các cá nhân.

- Kiểm tra, giám sát việc vay vốn của các tổ chức, cá nhân; việc thực hiện hợp đồng ủy thác của các đơn vị ủy thác.

2.1.2.2/ Nhiệm vụ của Phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương

- Huy động vốn:

+ Nhận tiền gửi có trả lãi và tự nguyện không lấy lãi của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ; nhận tiền gửi tiết kiệm của người nghèo.

+ Tiếp nhận các nguồn vốn tài trợ, vốn ủy thác của chính quyền địa phương, các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, và các cá nhân theo quy định.

- Cho vay:

Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam đối với các đối tượng hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

+ Thực hiện hạch toán kế toán thống nhất trong toàn hệ thống. Chấp hành chế độ quản lý tài chính theo quy định.

+ Kiểm tra việc thực hiện hợp đồng vay vốn và trả nợ của các tổ chức, cá nhân vay vốn Ngân hàng Chính sách Xã hội.

+ Phổ biến, hướng dẫn và triển khai thực hiện các cơ chế nghiệp vụ và văn bản pháp luật của Nhà nước, ngành ngân hàng và Ngân hàng Chính sách xã hội liên quan đến hoạt động của Phòng giao dịch và đơn vị nhận ủy thác.

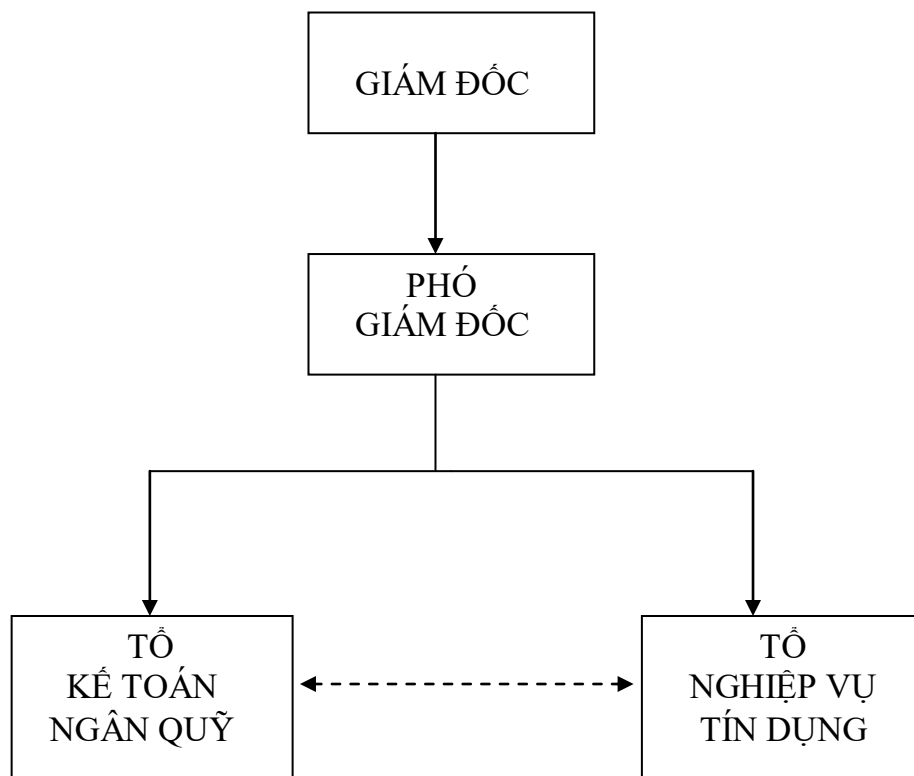
+ Nghiên cứu, phân tích kinh tế hoạt động tín dụng cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác để đề ra các giải pháp triển khai thực hiện chính sách tín dụng phù hợp với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

+ Chấp hành đầy đủ các quy định về báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của Giám đốc NHCSXH Thành phố.

+ Thực hiện một số nhiệm vụ khác được Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố giao.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức của Phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương.

2.1.3.1/ Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý:



CHÚ THÍCH:

Quan hệ chức năng: ----->

Quan hệ trực tuyến: ———>

2.1.3.2/ Chức năng và nhiệm vụ của các Ban Giám đốc và các Tổ nghiệp vụ:

*/Giám đốc: Trình độ chuyên môn đại học; điều hành chung, trực tiếp phụ trách công tác Kế toán- Ngân quỹ;

* / Phó Giám đốc: Phụ trách công tác Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng: Trình độ chuyên môn đại học; phụ trách công tác kế hoạch - nghiệp vụ tín dụng và trực tiếp ký duyệt cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn huyện.

* / Tổ kế hoạch- nghiệp vụ tín dụng: có 04 người:

Điều hành công việc của Tổ KHNVT có Tổ trưởng;

Nhiệm vụ:

* Tham mưu cho lãnh đạo về công tác kế hoạch - nghiệp vụ tín dụng, chủ yếu chuyên sâu về nghiệp vụ tín dụng.

* Lập và thực hiện kế hoạch nguồn vốn.

* Tổ chức công tác huy động vốn.

* Lập các loại báo cáo thống kê về nghiệp vụ kế hoạch - tín dụng.

* Thực hiện các nhiệm vụ khác do giám đốc giao.

* / Tổ Kế toán-Ngân quỹ: có 03 người

Điều hành công việc của tổ có Tổ trưởng;

Nhiệm vụ:

* Tham mưu cho lãnh đạo về công tác kế toán - tài chính và ngân quỹ;

* Tổ chức hạch toán về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh;

* Lập và quyết toán kế hoạch tài chính, tiền lương;

* Tổ chức bảo quản an toàn kho quỹ, tài sản, giấy tờ in quan trọng, các loại hồ sơ lưu trữ;

* Lập các loại báo cáo thống kê về nghiệp vụ kế toán - tài chính và ngân quỹ;

2.1.4. Môi trường hoạt động

Theo thống kê của Cục thống kê thành phố Hải Phòng thì toàn thành phố Năm 2017, Ban đại diện NHCSXH thành phố Có hơn 30.000 lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn thành phố tiếp cận vốn vay để đầu tư phục vụ sản xuất, kinh doanh. Qua đó, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo thành phố từ 2,81% đầu năm xuống còn 2,06% cuối năm 2017.

Để phù hợp với tình hình hiện nay thành phố Hải Phòng đã áp dụng chuẩn nghèo mới giai đoạn 2016-2020:

Trong năm 2016: Nguồn vốn cho vay hộ nghèo theo chỉ tiêu của thành phố là 63.420 triệu đồng chiếm tỷ trọng 98,43% trong tổng nguồn vốn; tăng 11.220 triệu đồng so với năm 2015, tốc độ tăng 21,4%. Đến năm 2017 thì nguồn vốn cho vay hộ nghèo nhận từ thành phố là 73.685 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 98,55% trong tổng nguồn vốn, tăng 10.265 triệu đồng so với năm 2016, tốc độ tăng 2,82%. Chỉ tiêu nguồn vốn được thành phố giao là chỉ tiêu Pháp lệnh, bắt buộc Phòng giao dịch NHCSXH phải thực hiện 100% chỉ tiêu giao; là cơ sở quan trọng để Phòng giao dịch hoạt động có hiệu quả cao. Nguồn vốn cho vay hộ nghèo để thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo cơ bản được thành phố cân đối để giao cho thành phố và thành phố căn cứ vào tình hình hộ nghèo để giao cho các quận huyện.

Nguồn vốn của địa phương cho vay hộ nghèo qua các năm không tăng mà giữ mức 600 triệu đồng;

Nguồn vốn huy động của Ngân hàng CSXH không phải là chỉ tiêu bắt buộc; nếu được Trung ương giao thì được TW cấp bù lãi suất và Phòng giao dịch mới được huy động. Do đó, Phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương đã thực hiện việc huy động tiền nhàn rỗi trong dân cư không nhiều.

+Năm 2015: nguồn vốn huy động được là 271 triệu đồng, chiếm trọng 0,52%;

+ Năm 2016: huy động được 328 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 0,57%,

+Năm 2017: Huy động được 280 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 0,38%;

Việc huy động tiền gửi tiết kiệm nhàn rỗi trong dân cư không tăng do đặc thù của NHCSXH nên Phòng giao dịch đã không có được nhiều hình thức huy động vốn như các ngân hàng thương mại khác trên cùng một địa bàn.

Trên địa bàn huyện An Dương ngoài chương trình cho vay hộ nghèo còn có các chương trình cho vay khác theo chỉ định của Chính phủ là Cho vay giải quyết việc làm; cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; cho vay đi lao động có thời hạn ở nước ngoài; cho vay Nước sạch & Vệ sinh Môi Trường Nông thôn.

Bảng 2.2 : Kết quả hoạt động tài chính của Phòng giao dịch Ngân Hàng
CSXH Huyện An Dương trong giai đoạn 2015 – 2017.

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
	ST	TT(%)	ST	TT(%)	ST	TT(%)
I.Khoán thu	1.600	100	2.413	100	3.118	100
-Thu lãi	1.593	99,56	2.403	99,59	3.106	99,62
-Thu dịch vụ phí	7	0,44	10	0,41	12	0,38
II.Khoán chi	1.405	100	2.176	100	2.773	100
- Trả lãi tiền gửi	18	1,28	30	1,38	40	1,44
- Trả hoa hồng cho tổ trưởng	465	33,10	740	34,93	980	35,34
- Các khoản chi lương, mua sắm tài sản, chi công cụ và chi khác	922	65,62	1.386	63,69	1.753	63,22
III.Chênh lệch thu chi	195		237		345	

Dựa vào bảng số liệu ta nhận thấy phần thu của NHCSXH huyện An Dương chủ yếu thu từ lãi cho vay. Năm 2015 thu lãi từ tiền vay chiếm 99,56% tương đương với số tiền là 1.593 triệu đồng; năm 2016 chiếm 99,59% tương đương với số tiền là 2.403 triệu đồng; năm 2017 chiếm 99,62% tương đương với số tiền là 3.106 triệu đồng.

Phần chi của NHCSXH Huyện An Dương chủ yếu chi trả tiền hoa hồng cho tổ TK&VV, chi trả lương và các khoản phụ cấp cho cán bộ, viên chức; chi mua sắm TSCĐ và các khoản chi côngg vụ phục vụ cho quá trình hoạt động của Ngân hàng. Nhìn chung Ngân hàng CSXH Huyện An Dương đã thực hiện theo đúng chế độ nguyên tắc hoạch toán kế toán; chi tiêu đảm bảo theo quy định của Bộ Tài chính. Ngân hàng CSXH Huyện An Dương đã đảm bảo hệ số chi tiêu khoán theo hàng năm. Qua đây ta cũng thấy sự cố gắng của Ngân hàng CSXH Huyện An Dương mặc dù địa bàn có nhiều khó khăn nhưng vẫn đảm bảo hệ số chi tiêu theo quy định, vẫn có số dư đảm bảo đúng theo quy định.

Thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương đã thực hiện cho vay ưu đãi đối với các chương trình: hộ nghèo; lao động cần vốn để hỗ trợ việc làm (GQVL); cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn (HSSVCHCKK) thông qua hộ gia đình; nước sạch và vệ sinh môi trường (NS&VSMT); đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài (XKLD).

Bảng 2.3. Tình hình cho vay các chương trình tín dụng ưu đãi trên địa bàn huyện An Dương giai đoạn 2015- 2017.

(ĐVT: Triệu đồng)

Năm Ch.trình Cho vay	2015			2016			2017			Chênh lệch			
	Dư nợ (triệu đồng)	Số hộ, dự án, sinh viên, lao động	Nợ quá hạn (%)	Dư nợ (triệu đồng)	Số hộ, dự án, sinh viên, lao động	Nợ quá hạn (%)	Dư nợ (triệu đồng)	Số hộ, dự án, sinh viên, lao động	Nợ quá hạn (%)	2016/2015		2017/2016	
										Mức tăng giảm	Tỉ lệ %	Mức tăng giảm	Tỉ lệ%
Hộ nghèo	52.194	2.350	2,1	63.381	1.940	2,4	73.965	1.484	2,5	11.187	21	10.584	16
GQVL	4.596	459	6,5	5.050	505	8,4	7.646	807	9,1	454	9	2.596	51
HSSV có HCKK	1.494	132	0	1.532	125	1,2	1.564	128	2,3	38	2,5	32	2,08
NS & VSMT	2.439	472	1,7	3.780	598	1,8	4.100	942	2,0	1.341	54	320	8
Hộ SXKD	7.230	250	0	8.750	310	0	10.930	442	0	1.520	17	2180	24,9
Hộ KD Th.mại	0	0	0	0	0	0	375	11	0				
Ch.vay LĐXK	898	42	3,5	967	61	4,2	1.182	84	5,1	69	7.6	215	22.2
TỔNG	68.851	3.705	0	83.460	3.539	0	99.762	3.898	0				

(Nguồn số liệu: Báo cáo của phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương)

+ Cho vay hộ nghèo: Qua bảng số liệu ta thấy dư nợ của cho vay hộ nghèo qua các năm đều tăng, trong thời gian này Phòng giao dịch NHCSXH đã tiến hành thu các khoản nợ đến hạn và các khoản nợ quá hạn ở hộ vay. Mặt khác công tác cho vay hộ nghèo đã được cấp uỷ, chính quyền địa phương, các tổ chức hội trong huyện hết sức quan tâm. Ban chỉ đạo xóa đói giảm nghèo các cùng các tổ chức Hội, Đoàn thể các địa phương trong huyện đã thực hiện tốt việc giám sát vốn vay, tổ chức họp bình xét hộ nghèo được vay vốn một cách công khai và chặt chẽ và đúng đối tượng hộ nghèo trong chuẩn quy định.

Cụ thể: Trong năm 2015 dư nợ chương trình cho vay hộ nghèo 52.194 triệu đồng, có 2.150 hộ vay vốn, bình quân 24,2 triệu đồng/hộ; Nợ quá hạn chiếm tỉ lệ 2,1% tổng dư nợ. Đến năm 2016 dư nợ 63.381 triệu đồng, có 1.870 hộ vay, bình quân dư nợ 33,8 triệu đồng/hộ; nợ quá hạn 2,4%. Năm 2017 dư nợ 73.965 triệu đồng, với 1.356 hộ, bình quân dư nợ một hộ vay là 54 triệu đồng/hộ, nợ quá hạn chiếm 2,1% trong tổng dư nợ. Qua bảng số liệu chương trình cho vay hộ nghèo thể hiện đối tượng là hộ nghèo giảm qua các năm. Cụ thể năm 2016 giảm 410 hộ so với năm 2015 và năm 2017 giảm 456 hộ so với năm 2016. Điều này chứng tỏ việc đầu tư cho vay hộ nghèo bằng nguồn vốn ưu đãi của Chính phủ trong các năm có tác dụng giảm nghèo rõ rệt. Hiệu quả sử dụng vốn vay đúng mục đích và dư nợ bình quân mỗi hộ càng tăng lên.

+ Cho vay giải quyết việc làm: Vốn cho vay giải quyết việc làm qua các năm đều tăng. Năm 2016 dư nợ 5.050 triệu đồng, có 325 dự án; tăng 454 triệu đồng tương ứng 9,87% so với năm 2015, trong đó nợ quá hạn chiếm 8,4% trong tổng dư nợ. Năm 2017 dư nợ 7.646 triệu đồng, còn 807 dự án, tăng 2.596 triệu đồng tương ứng 51,40% so với năm 2016 trong đó nợ quá hạn 9,1%;

+ Cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn: qua bảng trên ta thấy dư nợ của chương trình cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn qua các năm đều tăng. Năm 2015: 1.494 triệu đồng/132 HSSV cần vay vốn, nợ quá hạn 0% tổng dư nợ. Năm 2016: 1.532 triệu đồng/125 HSSV, tăng 38 triệu đồng tương ứng 2,5% so với năm 2015, dư nợ quá hạn chiếm tỉ lệ 1,2% tổng dư nợ; qua năm 2017 có

1.564 triệu đồng/128 HSSV cần vay vốn, tăng 32 triệu đồng tương ứng 2,08% so với năm 2016, trong đó nợ quá hạn chiếm tỉ lệ 2,3 % tổng dư nợ.

+ Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường (NS&VSMT): từ bảng trên ta thấy trong năm 2015 dư nợ 2.439 triệu đồng/472 dự án, trong đó nợ quá hạn chiếm tỉ lệ 1,7% tổng nợ quá hạn, qua năm 2016 dư nợ 3.780 triệu đồng/598 dự án trong đó có nợ quá hạn chiếm 1,8% tổng dư nợ; Năm 2017 dư nợ 4.100 triệu đồng/943 công trình, tăng 320 triệu đồng tương ứng 8% so với năm 2016, nợ quá hạn chiếm 2% tổng dư nợ.

+ Cho vay đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài (XKLD): Vốn vay trọn gói theo quy định của TW nếu các hộ gia đình này có lao động đi làm việc tại nước ngoài đúng quy định. Cụ thể:

Năm 2015: 898 triệu đồng/42 lao động .

Năm 2016: 967 triệu đồng/ 61 lao động.

Năm 2017: 1.182 triệu đồng/84 lao động.

Tóm lại: Nguồn vốn cho vay hộ nghèo của NHCSXH đã giúp cho các hộ nghèo trên địa bàn huyện An Dương tạo được công ăn việc làm, tăng thu nhập, chấm dứt tình trạng cho vay nặng lãi và đã thực sự góp phần tích cực làm giảm số hộ nghèo trong danh sách hộ nghèo theo chuẩn; thể hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo đã có hiệu quả.

Các đối tượng vay vốn theo quy định của Chính phủ ngày càng tăng; dư nợ các chương trình tăng rõ rệt. Điều đáng quan tâm là chương trình cho vay hộ nghèo với dư nợ tăng hàng năm và số hộ vay vốn chương trình hộ nghèo giảm. Tỉ lệ nợ quá hạn qua các năm tăng ít; chứng tỏ việc cho vay và xử lý nợ, thu hồi nợ đến hạn và quá hạn của Phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương là tích cực, kịp thời. Nợ quá hạn chương trình GQVL tăng do số hộ vay chủ yếu để chăn nuôi gia súc, nhưng bị thiệt hại do bão, năm 2016, dẫn đến không thanh toán được nợ vay cho Nhà nước. Chương trình cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn đều tăng qua các năm, chứng tỏ chương trình tín dụng ưu đãi cho HSSV đã có động lực tạo điều kiện cho các gia đình vay vốn cho con đi học.

Chương trình NS&VSMT nông thôn đã góp phần giữ gìn vệ sinh và cảnh quan cho huyện An Dương, đồng thời tạo nguồn nước sạch sinh hoạt sạch cho người dân.

2.2 – Thực trạng hoạt động cho vay xóa đói giảm nghèo của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện An Dương thành phố Hải Phòng.

2.2.1- Chính sách cho vay hộ nghèo của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ, Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với hộ nghèo như sau:

2.2.1.1/ Mục đích cho vay:

Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) cho vay ưu đãi đối với hộ nghèo nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh, cải thiện đời sống, góp phần thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo và việc làm, ổn định xã hội.

2.2.1.2/ Đối tượng áp dụng:

- Sở giao dịch, các Chi nhánh, đơn vị thuộc hệ thống NHCSXH và các tổ chức nhận ủy thác cho vay của NHCSXH (sau đây gọi tắt là Bên cho vay)
- Khách hàng vay vốn là hộ nghèo.

2.2.1.3/ Nguyên tắc vay vốn:

Hộ nghèo vay vốn phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

- Sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay.
- Hoàn trả nợ gốc và lãi vốn vay đúng thời hạn đã thỏa thuận.

2.2.1.4/ Điều kiện vay vốn:

Bên cho vay xem xét và quyết định cho vay khi hộ nghèo có đủ các điều kiện sau:

- Có hộ khẩu thường trú hoặc có đăng ký tạm trú dài hạn tại địa phương nơi cho vay.
- Có tên trong danh sách hộ nghèo ở xã (phường, thị trấn) sở tại theo chuẩn hộ nghèo do Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội công bố từng thời kỳ.

- Hộ vay không phải thế chấp tài sản và được miễn lệ phí làm thủ tục vay vốn nhưng phải là thành viên tổ tiết kiệm và vay vốn, được tổ bình xét, lập thành danh sách đề nghị vay vốn có xác nhận của UBND cấp xã.

- Chủ hộ hoặc người thừa kế được ủy quyền giao dịch là người đại diện hộ gia đình chịu trách nhiệm trong mọi quan hệ với Bên cho vay, là người trực tiếp ký nhận nợ và chịu trách nhiệm trả nợ Ngân hàng.

Vốn vay được sử dụng vào các việc sau:

+ Đối với cho vay sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

a. Mua sắm các loại vật tư, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn gia súc gia cầm... phục vụ cho các ngành trồng trọt, chăn nuôi.

b. Mua sắm các công cụ lao động nhỏ như: cày, bừa, cuốc, thuổng, bình phun thuốc trừ sâu...

c. Các chi phí thanh toán cung ứng lao vụ như: thuê làm đất, bơm nước, dịch vụ thú y, bảo vệ thực vật...

d. Đầu tư làm các nghề thủ công trong hộ gia đình như: mua nguyên vật liệu sản xuất, công cụ lao động thủ công, máy móc nhỏ...

e. Chi phí nuôi trồng, đánh bắt, chế biến thủy hải sản như: đào đắp ao hồ, mua sắm các phương tiện ngư lưới cụ...

g. Góp vốn thực hiện dự án sản xuất kinh doanh do cộng đồng người lao động sáng lập và được chính quyền địa phương cho phép thực hiện.

+ Cho vay làm mới, sửa chữa nhà ở:

a. Cho vay làm mới nhà ở thực hiện theo từng chương trình, dự án của Chính phủ.

b. Cho vay sửa chữa nhà ở: NHCSXH chỉ cho vay đối với hộ nghèo sửa chữa lại nhà ở bị hư hại, đột nát. Vốn vay chủ yếu sử dụng vào việc mua nguyên vật liệu xây dựng, chi trả tiền công lao động phải thuê ngoài.

+ Cho vay điện sinh hoạt:

a. Chi phí lắp đặt đường dây dẫn điện từ mạng chung của thôn, xã tới hộ vay như: cột, dây dẫn, các thiết bị thấp sáng...

+ Cho vay nước sạch:

a. Góp vốn xây dựng dự án cung ứng nước sạch đến từng hộ.

b. Những nơi chưa có dự án tổng thể phát triển nước sạch thì cho vay làm giếng khơi; giếng khoan; xây bể lọc nước, chứa nước...

+ Cho vay giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu về học tập:

Các chi phí cho học tập như: học phí, mua sắm các thiết bị phục vụ học tập (sách, vở, bút mực...) của con em hộ nghèo đang theo học tại các trường phổ thông.

2.2.1.5/ Loại cho vay và thời hạn cho vay:

- Loại cho vay:

+ Cho vay ngắn hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay đến 12 tháng;

+ Cho vay trung hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay từ trên 12 tháng đến 60 tháng.

- Thời hạn cho vay:

Bên cho vay và hộ vay thoả thuận về thời hạn cho vay căn cứ vào:

+ Mục đích sử dụng vốn vay;

+ Chu kỳ sản xuất, kinh doanh (đối với cho vay sản xuất, kinh doanh, dịch vụ);

+ Khả năng trả nợ của hộ vay;

+ Nguồn vốn cho vay của NHCSXH.

2.2.1.6/ Lãi suất cho vay:

- Lãi suất cho vay ưu đãi đối với hộ nghèo do Thủ tướng Chính phủ quyết định cho từng thời kỳ, thống nhất một mức trong phạm vi cả nước. Mức lãi suất cho vay cụ thể sẽ có thông báo riêng của NHCSXH.

- Ngoài lãi suất cho vay, hộ nghèo vay vốn không phải trả thêm bất kỳ một khoản phí nào khác.

- Lãi suất cho vay từ nguồn vốn do chi nhánh NHCSXH nhận uỷ thác của chính quyền địa phương, của các tổ chức và cá nhân trong, ngoài nước thực hiện theo hợp đồng uỷ thác.

- Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 130% lãi suất khi cho vay.

2.2.1.7/ Phương thức cho vay:

Bên cho vay áp dụng phương thức cho vay từng lần. Mỗi lần vay vốn, hộ nghèo và Bên cho vay thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết theo quy định tại văn bản này.

2.2.1.8/ Mức cho vay:

Mức cho vay đối với từng hộ nghèo được xác định căn cứ vào: nhu cầu vay vốn, vốn tự có và khả năng hoàn trả nợ của hộ vay. Mỗi hộ có thể vay vốn một hay nhiều lần nhưng tổng dư nợ không vượt quá mức dư nợ cho vay tối đa đối với một hộ nghèo do HĐQT NHCSXH quyết định và công bố từng thời kỳ.

2.2.1.9/ Bộ hồ sơ cho vay:

Bộ hồ sơ cho vay được NHCSXH cấp miễn phí và thống nhất theo mẫu in sẵn trên phạm vi toàn quốc.

+ Danh mục hồ sơ cho vay bao gồm:

a. Đối với hộ vay: hộ nghèo viết giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 01/CVHN) và gửi tổ tiết kiệm và vay vốn.

b. Hồ sơ do tổ tiết kiệm và vay vốn lập:

- Lần đầu, khi mới thành lập, tổ gửi Bên cho vay các loại giấy tờ theo quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của tổ tiết kiệm và vay vốn như Biên bản họp thành lập tổ và thông qua quy ước hoạt động (mẫu số 10/CVHN),...

- Mỗi lần vay, tổ gửi Bên cho vay danh sách hộ nghèo đề nghị vay vốn (mẫu số 03/CVHN).

- Trong quá trình hoạt động, tổ lập sổ theo dõi cho vay, thu nợ, thu lãi, thu tiết kiệm của thành viên (mẫu số 13/CVHN) (nếu có)

c. Hồ sơ do Bên cho vay lập:

- Thông báo phê duyệt danh sách hộ nghèo được vay vốn (mẫu số 04/CVHN)

- Thông báo chuyển nợ quá hạn (mẫu số 05/CVHN) (nếu có).

- Phiếu kiểm tra sau khi cho vay (mẫu số 06/ CVHN).

d. Hồ sơ do hộ nghèo, tổ tiết kiệm và vay vốn và Bên cho vay cùng lập:

- Sổ tiết kiệm và vay vốn (mẫu số 02/CVHN).

- Văn bản thỏa thuận ủy nhiệm thu lãi, thu tiết kiệm (mẫu số 11/CVHN) (nếu có).

+ Tổ chức lưu giữ hồ sơ:

a. Đối với hộ nghèo: giữ sổ tiết kiệm và vay vốn.

b. Đối với tổ tiết kiệm và vay vốn: Lưu giữ đầy đủ các giấy tờ quy định tại điểm (danh mục hồ sơ cho vay) mục 2.2.1.9

c. Đối với Bên cho vay:

- Bộ phận kế toán: Lưu giữ toàn bộ hồ sơ gốc gồm các giấy tờ quy định tại mục 2.2.1.9 văn bản này trừ sổ theo dõi cho vay, thu nợ, thu lãi của thành viên (mẫu số 13/CVHN) nêu tại điểm b.

- Bộ phận tín dụng: Lập và lưu giữ các tài liệu:

+ Sổ theo dõi cho vay hộ nghèo theo địa bàn quản lý;

+ Danh sách hộ nghèo trong địa bàn quản lý;

+ Các báo cáo thống kê về hoạt động cho vay, thu nợ, gửi tiết kiệm... đối với hộ nghèo.

Bộ hồ sơ cho vay phải được lưu giữ cẩn thận, chu đáo, dễ tìm, có danh mục theo dõi và phải bảo đảm an toàn tuyệt đối. Người được giao bảo quản hồ sơ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu để mất, thất lạc hoặc sửa chữa nội dung của hồ sơ.

Trường hợp bộ phận tín dụng cần sử dụng hồ sơ cho vay để xử lý công việc khi cần thiết thì phải sao chép số liệu trong hồ sơ gốc.

2.2.1.10/ Quy trình thủ tục cho vay:

+ Đối với hộ nghèo:

- Tự nguyện gia nhập tổ tiết kiệm và vay vốn.

- Hộ nghèo viết giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 01/CVHN) gửi Tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn.

- Khi giao dịch với Bên cho vay, chủ hộ hoặc người thừa kế hợp pháp được ủy quyền phải có CMND, nếu không có CMND thì phải có ảnh dán trên sổ tiết kiệm và vay vốn để phát tiền vay đúng tên người đứng vay.

+ Đối với tổ tiết kiệm và vay vốn.

a. Nhận giấy đề nghị vay vốn của tổ viên.

b. Tổ chức họp tổ để bình xét những hộ nghèo đủ điều kiện vay vốn, lập danh sách hộ nghèo đề nghị vay vốn (mẫu số 03/CVHN) kèm giấy đề nghị vay vốn của các tổ viên trình UBND cấp xã. Tại cấp xã, Ban xóa đói giảm nghèo xác nhận các hộ xin vay đúng là những hộ thuộc diện nghèo theo quy định và hiện đang cư trú hợp pháp tại xã. UBND xác nhận và phê duyệt danh sách hộ nghèo xin vay để gửi Bên cho vay xem xét, giải quyết.

c. Sau khi có xác nhận của UBND cấp xã, tổ có trách nhiệm gửi danh sách theo mẫu số 03/CVHN tới Bên cho vay để làm thủ tục phê duyệt cho vay và nhận thông báo danh sách các hộ được phê duyệt cho vay (mẫu số: 04/CVHN).

d. Thông báo kết quả phê duyệt danh sách các hộ được vay, lịch giải ngân và địa điểm giải ngân tới tổ viên để tiếp tục thực hiện các khâu còn lại trong quy trình vay vốn.

+ Đối với Bên cho vay:

a. Cán bộ tín dụng tập hợp giấy đề nghị vay vốn và danh sách theo mẫu số 03/CVHN từ các xã (phường, thị trấn) gửi lên, kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của bộ hồ sơ vay vốn để trình Thủ trưởng xem xét, phê duyệt cho vay. Bước này tổ chức thực hiện không quá 5 ngày làm việc.

Trường hợp người vay không có đầy đủ thủ tục vay vốn theo quy định thì cán bộ tín dụng trả lại hồ sơ và hướng dẫn người vay làm lại hồ sơ và thủ tục theo quy định.

b. Sau khi danh sách hộ nghèo đề nghị vay vốn theo mẫu số 03/CVHN được phê duyệt, Bên cho vay gửi thông báo kết quả phê duyệt tới UBND cấp xã (mẫu số 04/CVHN).

c. Bên cho vay cùng với hộ vay lập sổ tiết kiệm và vay vốn (mẫu số: 02/CVHN).

Sổ này thay thế hợp đồng vay vốn và kiêm sổ theo dõi tiền gửi tiết kiệm. Sổ tiết kiệm và vay vốn có các điều khoản cam kết về cho vay, trả nợ và gửi tiết kiệm;

có một số tiêu chí kê khai tình trạng sản xuất kinh doanh và khả năng tài chính của hộ vay vốn làm cơ sở để xác định mức cho vay. Khi được vay, Bên cho vay sẽ cấp sổ tiết kiệm và vay vốn cho hộ nghèo để sử dụng lâu dài cho nhiều lần vay, hết số trang ở sổ được đổi sổ khác. Mỗi hộ vay chỉ được cấp 01 sổ. Dư nợ trên sổ tiết kiệm và vay vốn ở mọi thời điểm không được vượt quá mức dư nợ cho vay tối đa do HĐQT NHCSXH quy định.

d. Cùng với tổ tiết kiệm và vay vốn tổ chức giải ngân trực tiếp đến hộ nghèo tại trụ sở Bên cho vay hoặc tại xã (phường, thị trấn) theo thông báo của Bên cho vay.

+ Tổ chức giải ngân:

a. Kế toán căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn và danh sách theo mẫu 03/CVHN được duyệt, lập chứng từ chi tiền theo mẫu in sẵn của Bên cho vay quy định (phiếu chi).

b. Thủ quỹ căn cứ vào chứng từ, sổ tiết kiệm và vay vốn đã có đủ chữ ký và các yếu tố hợp lệ để phát tiền trực tiếp cho hộ vay vốn.

c. Cuối ngày; kế toán, thủ quỹ khoá sổ và đối chiếu theo chế độ quy định.

d. Nếu giải ngân tại xã (phường, thị trấn) thì Bên cho vay lập thủ tục ứng tiền cho tổ cho vay lưu động đi phát tiền vay tại xã (phường, thị trấn) và quyết toán ngay sau khi về theo chế độ kế toán hiện hành. Việc vận chuyển tiền trên đường đi phải bảo đảm an toàn tuyệt đối theo quy định của chế độ kho quỹ.

2.2.1.11/ Định kỳ hạn trả nợ, thu nợ, thu lãi:

Vốn vay phải được hoàn trả đầy đủ cả gốc và lãi theo đúng thời hạn đã cam kết.

+ Thu nợ gốc: Bên cho vay tổ chức việc thu nợ gốc trực tiếp tới từng hộ vay theo quy định sau:

a. Món vay ngắn hạn: thu nợ gốc một lần khi đến hạn.

b. Món vay trung hạn: phân kỳ trả nợ nhiều lần: 6 tháng hoặc 1 năm một lần do Bên cho vay và hộ vay thỏa thuận.

+ Thu lãi:

a. Có hai hình thức:

- Thu gốc đến đâu thu lãi đến đó (cùng 1 lần).
- Thu lãi theo định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý do hai bên thỏa thuận.

b. Đối với khoản nợ trong hạn, thực hiện thu lãi định kỳ hàng tháng hoặc quý trên số dư nợ theo thỏa thuận giữa Bên cho vay và hộ vay. Những khoản vay từ 6 tháng trở xuống thu lãi và gốc một lần khi đến hạn. Lãi chưa thu được của kỳ trước chuyển sang thu vào kỳ hạn kế tiếp.

c. Các khoản nợ quá hạn thu gốc đến đâu thu lãi đến đó. Riêng các khoản nợ khó đòi ưu tiên thu gốc trước thu lãi sau. Số lãi chưa thu được hạch toán ngoại bảng để có kế hoạch thu sát với thực tế.

d. Việc tổ chức thu lãi, thu tiết kiệm (nếu có) do Bên cho vay lựa chọn các hình thức: tổ chức thu trực tiếp hoặc ủy nhiệm cho tổ tiết kiệm và vay vốn thu hộ. Mọi trường hợp ủy nhiệm cho tổ thu lãi, thu tiết kiệm đều phải ký kết văn bản thỏa thuận giữa Bên cho vay với tổ tiết kiệm và vay vốn (mẫu số 11/CVHN). Việc ủy nhiệm cho tổ thu lãi, thu tiết kiệm hoặc không ủy nhiệm do Bên cho vay quyết định, căn cứ vào các điều kiện sau:

- Tổ phải được thành lập và hoạt động theo quy định hiện hành của NHCSXH,

- Mức độ tín nhiệm của tổ với Bên cho vay và các thành viên trong tổ.

+ Quy trình thu nợ, thu lãi, thu tiết kiệm (nếu có):

a. Hàng tuần hoặc tháng, Bên cho vay đặt lịch giao dịch ở từng xã (phường, thị trấn) và thông báo công khai cho các hộ vay biết để thực hiện việc cho vay, thu nợ, thu tiết kiệm và các giao dịch khác.

b. Mỗi lần thu nợ, thu lãi, thu tiết kiệm; kế toán Bên cho vay lập phiếu thu tiền theo mẫu in sẵn của Bên cho vay. Phiếu thu tiền được lập 2 liên, Bên cho vay giữ một liên, người vay giữ một liên.

c. Căn cứ vào phiếu thu tiền, kế toán ghi vào sổ tiết kiệm và vay vốn và rút số dư cập nhật trong ngày.

d. Mỗi lần thu nợ, thu lãi, thu tiết kiệm; kế toán, thủ quỹ Bên cho vay phải ký đủ các chữ ký quy định trên các chứng từ liên quan và trên sổ tiết kiệm và vay vốn (cả sổ lưu Bên cho vay và sổ của hộ vay giữ).

e. Định kỳ (quý hoặc năm); Bên cho vay đối chiếu số dư nợ gốc, số tiền lãi và tiền tiết kiệm thu được giữa chứng từ, sổ tiết kiệm và vay vốn lưu tại Bên cho vay với sổ tiết kiệm và vay vốn của hộ vay lưu giữ.

+ Quy trình thu lãi, thu tiết kiệm thông qua tổ tiết kiệm và vay vốn.

a. Mỗi lần thu lãi, thu tiết kiệm; tổ tiết kiệm và vay vốn phải ghi đầy đủ các yếu tố theo quy định và ký nhận vào sổ tiết kiệm và vay vốn của hộ vay giữ. Đồng thời lập 3 liên bảng kê các khoản thu lãi, thu tiết kiệm (mẫu số 12/CVHN) và ghi vào sổ theo dõi cho vay, thu nợ, thu lãi, thu tiết kiệm của tổ (mẫu số 13/CVHN).

b. Tổ tiết kiệm và vay vốn thực hiện việc thu lãi, thu tiết kiệm (nếu có) theo định kỳ nhất định do tổ và hộ vay thỏa thuận nhưng phải nộp đủ số tiền thu được cho Bên cho vay theo định kỳ đã ký kết trong văn bản ủy nhiệm. Nếu ngày nộp tiền của tổ trùng vào ngày Bên cho vay nghỉ làm việc theo chế độ thì tổ phải nộp vào ngày giao dịch đầu tiên tiếp theo.

c. Khi nộp tiền, tổ phải mang theo 3 liên bảng kê các khoản thu lãi, thu tiết kiệm (mẫu số 12/CVHN) để làm căn cứ thu (Bên cho vay lưu 1 liên, tổ lưu 1 liên, NHCSXH 1 liên).

d. Số tiền nộp vào Bên cho vay phải khớp đúng số tiền ghi trên bảng kê.

2.2.1.12/ Xử lý nợ đến hạn:

+ Cho vay lưu vụ

a. Trường hợp áp dụng: chỉ áp dụng cho vay lưu vụ đối với các khoản vay ngắn hạn bao gồm các ngành nghề sản xuất, kinh doanh có chu kỳ kế tiếp như chu kỳ sản xuất, kinh doanh trước.

b. Điều kiện cho vay lưu vụ:

- Khoản vay đã đến hạn trả nhưng hộ vay vẫn còn nhu cầu vay vốn cho chu kỳ sản xuất, kinh doanh liền kề;

- Phương án đang vay có hiệu quả;

- Hộ vay trả đủ số lãi còn nợ của khoản vay trước và chưa thoát nghèo.

c. Mức cho vay lưu vụ tối đa không quá số dư nợ còn lại trên sổ tiết kiệm và vay vốn đến ngày cho vay lưu vụ.

d. Thời hạn cho vay lưu vụ là thời hạn của chu kỳ sản xuất, kinh doanh tiếp theo nhưng tối đa không quá thời hạn cho vay đã ghi trong sổ tiết kiệm và vay vốn.

e. Lãi suất cho vay được áp dụng theo lãi suất hiện hành tại thời điểm cho vay lưu vụ.

Khi có nhu cầu vay lưu vụ, trước 5 ngày đến hạn trả cuối cùng, hộ nghèo làm giấy đề nghị vay lưu vụ (mẫu số: 07/CVHN) gửi Bên cho vay, các thủ tục khác không phải lập lại. Bên cho vay không thực hiện việc hạch toán giả cho vay, giả thu nợ.

Mọi trường hợp cho vay lưu vụ, Bên cho vay phải ghi đầy đủ các yếu tố quy định vào cả sổ tiết kiệm và vay vốn lưu tại Bên cho vay và sổ của hộ vay giữ.

+ Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ:

Trường hợp hộ vay có khó khăn, chưa trả được nợ gốc theo đúng kỳ hạn đã thỏa thuận ghi trong sổ tiết kiệm và vay vốn do nguyên nhân chưa kết thúc chu kỳ sản xuất kinh doanh, chưa tiêu thụ được sản phẩm hoặc hộ vay gặp khó khăn về tài chính tạm thời và có giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ (mẫu số: 08/CVHN), thì Bên cho vay xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ.

+ Gia hạn nợ:

a. Trường hợp hộ vay không trả nợ đúng hạn do thiên tai, dịch bệnh và nguyên nhân khách quan khác, đã được Bên cho vay kiểm tra xác nhận và có giấy đề nghị gia hạn nợ (mẫu số: 09/CVHN), thì Bên cho vay xem xét cho gia hạn nợ.

b. Thời gian cho gia hạn nợ: Bên cho vay có thể thực hiện việc gia hạn nợ một hay nhiều lần đối với một khoản vay nhưng tổng số thời gian cho gia hạn nợ không quá 12 tháng đối với cho vay ngắn hạn và không quá 1/2 thời hạn cho vay ghi trên sổ tiết kiệm và vay vốn đối với cho vay trung hạn;

c. Trường hợp hộ vay có nhu cầu gia hạn nợ vượt thời gian gia hạn nợ tối đa kê trên do nguyên nhân khách quan thì Thủ trưởng Bên cho vay phải báo cáo Tổng giám đốc NHCSXH để xem xét, quyết định.

+ Chuyển nợ quá hạn:

a. Các trường hợp chuyển nợ quá hạn:

- Hộ vay sử dụng vốn vay sai mục đích.

- Có khả năng trả khoản nợ đến hạn nhưng không trả hoặc đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng, hộ vay không được gia hạn nợ thì Bên cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn.

b. Sau khi chuyển nợ quá hạn, Bên cho vay phối hợp với chính quyền sở tại, các tổ chức Chính trị - xã hội có biện pháp tích cực thu hồi nợ.

+ Thủ tục điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ:

a. Trước khi đến hạn trả nợ 10 ngày, Bên cho vay thông báo cho hộ vay biết số tiền, ngày đến hạn trả nợ.

b. Trường hợp hộ vay có nhu cầu gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì viết giấy đề nghị gia hạn nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gửi Bên cho vay trước hạn trả nợ 5 ngày.

c. Cán bộ tín dụng kiểm tra, xác minh và ghi ý kiến vào giấy đề nghị gia hạn nợ, giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ để trình lãnh đạo.

d. Thủ trưởng Bên cho vay xem xét, quyết định cho gia hạn nợ hoặc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ theo chế độ quy định.

e. Các trường hợp điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ; Bên cho vay và hộ vay đều phải ghi bổ sung vào cả sổ tiết kiệm và vay vốn lưu tại Bên cho vay và sổ của hộ vay giữ.

2.2.1.13/ Xử lý nợ bị rủi ro:

+ Hộ vay không trả được nợ do nguyên nhân khách quan gây ra như: thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh, chính sách Nhà nước thay đổi, biến động giá cả thị trường không có lợi cho hộ vay được giải quyết như sau:

a. Trường hợp xảy ra trên diện rộng, việc xử lý rủi ro thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

b. Trường hợp xảy ra ở diện đơn lẻ, cục bộ được cho gia hạn nợ, giãn nợ hoặc xử lý từ quỹ dự phòng rủi ro của NHCSXH căn cứ vào mức độ thiệt hại cụ thể (Quy trình lập hồ sơ và xử lý nợ theo hướng dẫn riêng của NHCSXH).

+ Những thiệt hại do nguyên nhân chủ quan của hộ vay, của tổ chức nhận uỷ thác hoặc của cán bộ, viên chức NHCSXH gây ra thì các đối tượng này phải bồi hoàn và bị xử lý kỷ luật tùy theo mức độ vi phạm.

2.2.1.14/ Kiểm tra vốn vay:

Việc kiểm tra, kiểm soát vốn vay được thực hiện như sau:

+ Kiểm tra trước khi cho vay: được thực hiện từ cơ sở thông qua khâu bình xét, lập danh sách hộ nghèo đề nghị vay vốn do tổ tiết kiệm và vay vốn và UBND cấp xã thực hiện. Khi nhận được hồ sơ vay vốn, cán bộ cho vay kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ, điều kiện vay vốn, đối tượng vay vốn... theo quy định tại văn bản này.

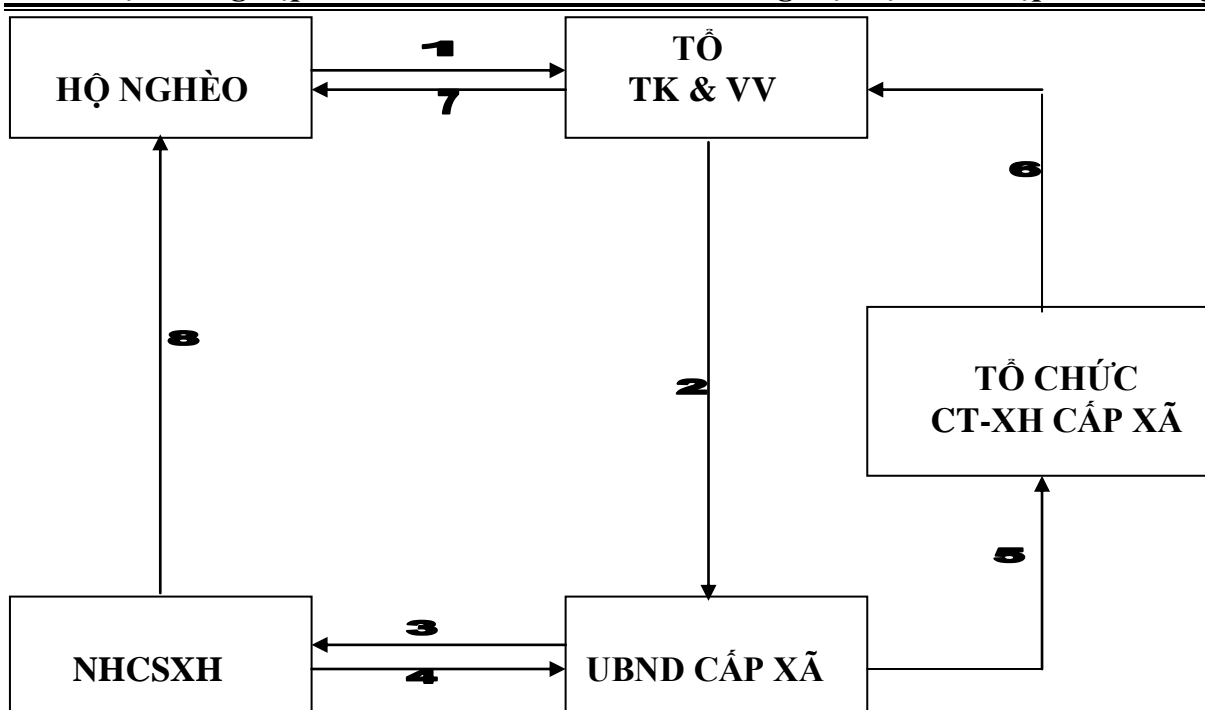
+ Kiểm tra trong khi cho vay: kiểm tra việc giải ngân phải đúng tên hộ nghèo được phê duyệt trong danh sách theo mẫu số 03/CVHN.

+ Kiểm tra sau khi cho vay:

a. Bên cho vay thực hiện việc kiểm tra sử dụng vốn vay theo định kỳ hoặc đột xuất khi cần thiết, thực hiện việc đối chiếu nợ công khai ít nhất một năm một lần.

b. Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp kết hợp cùng với Bên cho vay tổ chức các đợt kiểm tra cơ sở theo định kỳ và đột xuất, ít nhất một năm một lần.

Quy trình và thủ tục cho vay của Ngân hàng CSXH được biểu hiện qua sơ đồ sau:



Bước 1: Khi có nhu cầu vay vốn, người vay viết Giấy đề nghị vay vốn , gửi Tổ TK&VV.

Bước 2: Tổ TK&VV cùng tổ chức chính trị-xã hội tổ chức họp để bình xét những hộ nghèo đủ điều kiện vay vốn, lập danh sách người vay trình UBND cấp xã xác nhận là đối tượng được vay vốn và cư trú hợp pháp tại xã.

Bước 3: UBND cấp xã gửi hồ sơ đề nghị vay vốn tới ngân hàng.

Bước 4: Ngân hàng phê duyệt cho vay và thông báo tới UBND cấp xã .

Bước 5: UBND cấp xã thông báo cho tổ chức chính trị-xã hội cấp

Bước 6: Tổ chức chính trị-xã hội cấp xã thông báo cho Tổ TK&VV

Bước 7: Tổ TK&VV thông báo cho tổ viên/hộ gia đình vay vốn biết danh sách hộ được vay, thời gian và địa điểm giải ngân.

Bước 8: Ngân hàng tiến hành giải ngân đến người vay.

2.2.2. Thực trạng cho vay hộ nghèo của NHCSXH huyện An Dương

2.2.2.1/ Tình hình chung của cho vay hộ nghèo:

Ngân hàng thực hiện cho vay căn cứ vào danh sách hộ nghèo được tổ tiết kiệm và vay vốn (TK & VV) bình xét. Ban xóa đói giảm nghèo và UBND xã, phường phê duyệt theo mẫu quy định, cụ thể tình hình cho vay hộ nghèo qua 3 năm (2015-2017) như sau:

Bảng 2.4- Doanh số cho vay, thu nợ chương trình cho vay hộ nghèo tại Phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương-TP Hải Phòng (2015 - 2017).

(ĐVT: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	2015	2016	2017	Chênh lệch			
				2016/2015		2017/2016	
				Mức, tăng, giảm	Tỷ lệ (%)	Mức tăng, giảm	Tỷ lệ (%)
Doanh số cho vay	9.153	17.659	23.331	8.506	92,93	5.672	32,11
Doanh số thu nợ	3.783	6.472	12.747	2.689	71,08	6.275	96,95
Dư nợ	52.194	63.381	73.965	11.187	21,43	1.652	16,69
Tỷ lệ nợ quá hạn (%)	2,1	2,4	2,5	0,3		0,1	

(Nguồn số liệu: Phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương)

Với bảng số liệu (số 2.4) cho thấy doanh số cho vay, thu nợ qua 3 năm (2015-2017) đều tăng, quy mô tín dụng đối với hộ nghèo ngày càng mở rộng.

Doanh số cho vay năm 2017 là 23.331 triệu, tăng 5.672 triệu đồng so với năm 2016. Năm 2017 doanh số thu nợ tiếp tục tăng tương ứng 6.275 triệu đồng so với năm 2016. Sự biến động của doanh số cho vay ngày càng tăng này thể hiện hoạt động cho vay đối với hộ nghèo ngày càng mở rộng.

Cùng với sự tăng trưởng về doanh số cho vay, doanh số thu nợ qua các năm cũng đều tăng (năm 2016 tốc độ tăng trưởng là 71,08% với năm 2015; Năm 2017 tốc độ tăng trưởng 96,95% so với năm 2016). Sự tăng trưởng đó cho thấy công tác thu hồi nợ của Phòng giao dịch đang diễn ra thuận lợi, các hộ nghèo đầu tư vốn vào sản xuất kinh doanh có hiệu quả và thu nhập tương đối ổn định nên có khả năng trả nợ cho Ngân hàng, đồng thời từng bước thoát khỏi cảnh đói nghèo.

Dư nợ năm 2016 đạt 63.381 triệu đồng, tăng 11.187 triệu đồng so với năm 2015; đến 2017 tăng 10.584 triệu đồng so với năm 2016. Đây là một tốc độ tăng

trưởng khá ổn định thể hiện quy mô tín dụng đối với hộ nghèo ngày càng được mở rộng.

Dư nợ quá hạn chương trình cho vay hộ nghèo tại Phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương qua các năm tăng chậm, thể hiện việc thu hồi nợ đến hạn và xử lý các khoản nợ quá hạn đạt cao.

Tóm lại, tình hình cho vay đối với hộ nghèo tại Phòng giao dịch NHCSXH qua 3 năm (2015-2017) tương đối ổn định: quy mô cho vay tăng hàng năm, với tốc độ tăng trưởng cao; hộ nghèo còn dư nợ giảm; chất lượng tín dụng được cải thiện và nâng cao; doanh số thu nợ luôn luôn tăng, tỉ lệ dư nợ quá hạn bình quân tăng chậm.

Để hiểu rõ được tình hình cho vay đối với hộ nghèo tại Phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương, cần đi sâu phân tích cụ thể tình hình cho vay đối với hộ nghèo theo từng chỉ tiêu như sau:

2.2.2.2/ Tình hình cho vay hộ nghèo theo thời hạn vay:

Trong những năm qua, mục đích vay vốn của đại đa số hộ nghèo qua kênh tín dụng NHCSXH chủ yếu để đầu tư vào những đối tượng có chu kỳ sản xuất kinh doanh trên 12 tháng như: chăn nuôi bò sinh sản; trồng cây nguyên liệu; trồng rừng; sản xuất nghề truyền thống và dịch vụ; nuôi - đánh bắt - chế biến các loại thủy hải sản ... Bên cạnh đó trong những năm trước đây các hộ còn đầu tư vào những đối tượng có chu kỳ sản xuất kinh doanh ngắn hạn dưới 12 tháng như: chăn nuôi gia súc, gia cầm lấy thịt, trứng; sản xuất cây lương thực và hoa màu...; nhưng xu hướng cho vay trung và dài hạn ngày càng chiếm tỉ trọng lớn. Do đó, từ năm 2015 đến nay không còn cho vay ngắn hạn.

Cụ thể tình hình cho vay được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 2.5: Tình hình cho vay hộ nghèo theo thời hạn vay giai đoạn 2015-2017.

(ĐVT: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	2015		2016		2017		Chênh lệch			
	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	2016/2015		2017/2016	
							Mức Tăng giảm	Tỷ lệ (%)	Mức Tăng giảm	Tỷ lệ (%)
I-Doanh số cho vay	9.153	100	17.659	100	23.331	100	8.506	92,93	5.672	32,11
1-Ngắn hạn	0	0	0	0	0	0	3.704	28,5	1.615	11,15
2-Trung hạn	9.153	100	17.659	100	23.331	100				
II Doang số thu nợ	3.783	100	6.472	100	12.747	100	2.689	71,08	6.275	96,95
1-Ngắn hạn	0	0	0	0	0	0				
2-Trung hạn	3.783	100	6.472	100	12.747	93,	2.689	71,08	6.275	96,95
III- Tổng dư nợ	52.194	100	63.381	100	73.965	100	11.187	21,43	10.584	16,69
1-Ngắn hạn	0	0	0	0	0	0				
2-Trung hạn	52.194	100	63.381	100	73.965	98,5	11.187	21,43	10.584	16,69
IV- Nợ Q.hạn	1.205	100	918	100	914	100	-287	(23)	-4	(0,4)
1-Ngắn hạn	0	0	0	0	0	0				
2-Trung hạn	1.205	100	918	100	914	100	-287	(23)	-4	(0,4)
T.lệ Nợ Q.hạn	2,1		2,4		2,5					

(Nguồn số liệu: Phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương)

Với số liệu ở bảng (số 2.5) đã thể hiện trong 3 năm (2015-2017) Phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương đã có nhiều cố gắng trong quá trình sử dụng nguồn vốn cho vay hộ nghèo. Tổng dư nợ năm 2017 là 73.965 triệu đồng tăng 10.584 triệu đồng so với năm 2016 (tăng 16,69%), dư nợ trung hạn chiếm tỷ trọng 100% trên tổng dư nợ. Trong năm 2017 Phòng giao dịch đã cho vay 2.947 lượt (hộ) với doanh số cho vay 23.331 triệu đồng. tăng 5.672 triệu đồng (tỷ lệ tăng 32,11%) so với năm 2016, Phòng giao dịch chủ yếu là cho vay trung

hạn chiếm tỷ trọng 100,% trên tổng doanh số cho vay; Năm 2016 doanh số cho vay là 17.659 triệu đồng gồm 2.051 lượt vay tăng 8.506 triệu đồng (tăng 92,93%) so với năm 2015 doanh số cho vay ngắn hạn không tăng trưởng là do tại địa phương đối tượng vay vốn chủ yếu là đầu tư trung và dài hạn. Doanh số cho vay năm và doanh số thu nợ năm 2017 cao hơn nhiều so với năm 2016, điều này là do nhu cầu vốn của các hộ tăng nhằm đáp ứng khả năng phát triển sản xuất kinh doanh.

Cùng với sự tăng trưởng về quy mô thì việc đảm bảo chất lượng tín dụng đối với Phòng giao dịch An Dương ngày càng khó khăn hơn. Nhưng tình hình chất lượng tín dụng của Phòng giao dịch An Dương qua 3 năm (2015-2017) đều ngày một cải thiện và nâng cao, thể hiện qua doanh số thu nợ năm sau luôn cao hơn năm trước, bên cạnh đó tình hình nợ quá hạn tăng chậm, tạo điều kiện cho đồng vốn quay vòng nhanh.

Năm 2017 Phòng giao dịch đã thực hiện việc thu nợ với doanh số là 12.474 triệu đồng tăng so với năm 2016 là 6.275 triệu đồng (tăng 96,95%); Năm 2016 doanh số thu nợ là 6.472 triệu đồng tăng 2.689 triệu đồng (tăng 71,08%) so với năm 2015; doanh số thu nợ trung hạn là 6.472 triệu đồng chiếm tỷ trọng 100% trên tổng doanh số thu nợ. Sự tăng trưởng về doanh số thu nợ của Phòng giao dịch qua 3 năm đều ở mức rất cao, điều đó cho thấy công tác thu hồi nợ của Phòng giao dịch tương đối có hiệu quả. Trong tổng doanh số thu nợ thì doanh số thu nợ trung hạn luôn chiếm tỷ trọng chủ yếu, điều này cũng tỉ lệ thuận với doanh số cho vay.

Trong 3 năm (2015-2017) tình hình nợ quá hạn tại Phòng giao dịch An Dương có xu hướng tăng chậm, điều này thể hiện chất lượng tín dụng đối với hộ nghèo ngày càng được nâng cao. Năm 2016, nợ quá hạn chiếm tỷ lệ 2,4% trên tổng dư nợ; đến năm 2017 dư nợ quá hạn tăng so với năm 2016, nhưng tốc độ tăng chậm (2,5%).

Nhìn chung, tình hình cho vay đối với hộ nghèo qua 3 năm (2015 - 2017) của Phòng giao dịch tương đối tốt, tốc độ tăng trưởng khá, về doanh số cho vay

chủ yếu cho vay trung hạn. Hàng năm tỷ trọng cho vay tăng chủ yếu là cho vay trung hạn (năm 2016 là 21,43% cho đến năm 2017 tăng 16,69%). Bên cạnh đó, doanh số dư nợ cũng thể hiện quy mô tín dụng hộ nghèo ngày càng mở rộng. Đặc biệt là công tác thu hồi và xử lý nợ quá hạn, nợ khó đòi qua các năm thực hiện khá tốt. Như vậy, có thể nhận thấy sự cố gắng giảm nợ quá hạn và tăng cường công tác thu hồi nợ của Phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương -TP Hải Phòng nhằm nâng cao chất lượng tín dụng vì mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo là rất đáng kể.

2.2.2.3/ Tình hình uỷ thác cho vay hộ nghèo qua các Tổ chức Chính trị-xã hội.

Thực hiện Điều 5, Nghị định 78/2002/NĐ-CP, công tác cho vay của Ngân hàng CSXH được thực hiện theo hình thức uỷ thác từng phần, từng công đoạn cho các tổ chức Chính trị-xã hội trên địa bàn. Phòng giao dịch NHCSXH và các tổ chức Chính trị - xã hội (gọi tắt là Hội đoàn thể-HĐT) huyện An Dương -TP Hải Phòng đã cùng nhau thoả thuận ký văn bản liên tịch về uỷ thác cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác do Chính phủ quy định. Đối với HĐT huyện Phòng giao dịch NHCSXH ký Văn bản thoả thuận để huyện chỉ đạo HĐT các xã; còn đối với các xx, NHCSXH huyện ký hợp đồng uỷ nhiệm, quy định rõ những nội dung HĐT thực hiện và nội dung Ngân hàng CSXH thực hiện. Như vậy, trong quy trình cho vay của Ngân hàng CSXH thì đã có 6 công đoạn uỷ thác cho HĐT và 3 công đoạn Ngân hàng thực hiện.

Cùng với sự uỷ thác của HĐT xã kết hợp với việc thực hiện một quy trình cho vay hợp lý, trong những năm qua, công tác cho vay uỷ thác được thực hiện thuận lợi; các HĐT huyện và xã đã triển khai cho vay đúng quy trình và đem lại hiệu quả thiết thực. Các HĐT nhận uỷ thác gồm: Hội Nông dân (ND); Hội Liên hiệp phụ nữ (LHPN); Hội Cựu chiến binh (CCB) và Đoàn Thanh niên (Đoàn TN).

Bảng 2.6: Doanh số cho vay hộ nghèo ủy thác thông qua các tổ chức Chính trị - xã hội huyện An Dương (2015-2017).

(ĐVT: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	2015		2016		2017		Chênh lệch			
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	2016/2015		2017/2016	
							Mức Tăng, Giảm	Tỷ lệ (%)	Mức Tăng Giảm	Tỷ lệ (%)
Hội Nông dân	3.210	35,07	5.665	32,07	8.542	36,61	2.455	76,47	2.877	50,78
Hội LHPN	3.847	42,03	6.351	35,96	10.288	44,09	2.504	65,08	3.937	61,99
Hội CC Binh	1.549	14,74	4.005	22,67	3.667	15,71	2.456	158,55	-338	(8,43)
Đoàn T. niên	547	8,16	1.638	9,28	834	3,57	1.091	199,45	-804	(49,08)
Tổng	9.153	100	17.659	100	23.331	100				

(Nguồn: Báo cáo của Phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương)

Dựa vào Bảng số liệu trên ta nhận thấy rằng Doanh số cho vay của Ngân hàng CSXH huyện đều được ủy thác qua các tổ chức Chính trị-Xã hội. Trong đó Hội LHPN và Hội Nông dân có doanh số cho vay chiếm tỉ lệ cao. Đoàn Thanh niên huyện mới nhận ủy thác do đó doanh số cho vay thấp. Cụ thể:

+ *Hội Nông dân:*

Năm 2015: doanh số cho vay là 3.210 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 35,07% trong tổng doanh số cho vay. Nhưng đến năm 2016 doanh số cho vay là 5.665 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 32,07% trong tổng doanh số cho vay, đến năm 2017 là 8.542 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 36,61% trong tổng doanh số cho vay.

Mức tăng doanh số cho vay năm 2016 so với năm 2015 là: 2.455 triệu đồng, đạt tốc độ tăng 76,47%, còn năm 2017 so với năm 2016: 2.877 triệu đồng, tốc độ tăng là 50,78%.

+ *Hội Liên hiệp phụ nữ (LHPN):*

Với số liệu ở bảng trên cho thấy doanh số cho vay thông qua Hội LHPN chiếm tỉ lệ cao và năm sau cao hơn năm trước. Cụ thể: Năm 2016: 6.351 triệu

đồng tăng 2.504 triệu đồng, tốc độ tăng 65,08% so với năm 2015. Năm 2017: 10.288 triệu đồng tăng 3.937 triệu đồng, tốc độ tăng 61,99% so với năm 2016.

+ *Hội Cựu chiến binh:*

Doanh số cho vay thông qua Hội cựu chiến binh qua 3 năm (2015 -2017) như sau:

Năm 2016 cho vay 4.005 triệu đồng, tăng 2.456 triệu đồng, tốc độ tăng 258,5% so với năm 2015. Đến năm 2017 là 3.667 triệu đồng, giảm 338 triệu đồng, tốc độ giảm 8,43% so với năm 2016 nhưng không đáng kể;

+ *Đoàn Thanh niên:*

Cuộc vận động “ Thanh niên xoá đói giảm nghèo làm giàu chính đáng” được triển khai thực hiện nhằm tạo điều kiện đào tạo nhân lực trẻ, phát triển kinh tế xã hội; trong đó việc vay vốn trong Đoàn thanh niên đã có hiệu quả. Năm 2016: 1.638 triệu đồng, tăng 1.091 triệu đồng, tốc độ tăng 199,45% so với năm 2015. Đến năm 2017: 834 triệu đồng, giảm 804 triệu đồng, tốc độ giảm 49,08%. Vay vốn giải quyết việc làm để thông qua đó giúp cho đoàn viên thanh niên có điều kiện vay vốn đầu tư phát triển sản xuất, góp phần giải quyết việc làm tại cơ sở, đồng thời tăng cường đoàn kết và tập hợp thanh niên vào tổ chức đoàn, Hội tại cơ sở.

Nhờ có vốn vay từ NHCSXH mà trong thời gian qua, phong trào thanh niên lập nghiệp, phong trào thanh niên nông thôn xung kích tình nguyện xoá đói giảm nghèo, tham gia phát triển kinh tế được triển khai phát động rộng rãi trong toàn Huyện và được đoàn viên thanh niên tích cực tham gia. Từ đó góp phần hình thành nên nhiều hoạt động thiết thực của thanh niên nông thôn đem lại hiệu quả tích cực cho xã hội.

Bên cạnh đó vẫn còn một số thành viên trong đoàn thanh niên đã vay vốn từ Ngân hàng nhưng không biết cách làm ăn nên nghèo vẫn hoàn nghèo. Nhưng nhìn chung với tỉ lệ vay vốn này, giải quyết việc làm đã giúp cho thanh niên thể hiện được vai trò, sức trẻ, xung kích đầu tư trong công cuộc xoá đói giảm nghèo, phát triển kinh tế gia đình. Thông qua các chương trình vay vốn, các dự án, các mô hình

phát triển kinh tế tạo nên sức hút thanh niên vào tổ chức đoàn - hội tại địa phương. Giảm thiểu tình trạng thất nghiệp trong thanh niên, nâng cao thu nhập cho thanh niên và gia đình trẻ.

*. Doanh số thu nợ:

Việc thu hồi nợ gốc được Ngân hàng CSXH trực tiếp thu tận hộ vay, còn lãi vay được Ngân hàng uỷ thác cho Tổ TK&VV. Việc thu hồi nợ gốc có ý nghĩa lớn trong việc giải quyết xử lý nợ quá hạn và tạo điều kiện cho vay quay vòng vốn. HĐT các cấp có trách nhiệm đôn đốc thu nợ và phối hợp với Chính quyền địa phương để xử lý những trường hợp hộ vay chây ỳ không trả nợ. Trong những năm qua việc thu hồi nợ gốc đến hạn đã phối hợp tốt giữa Ngân hàng CSXH, Chính quyền địa phương và HĐT nhận uỷ thác; do đó, tình hình thu nợ cho vay hộ nghèo tại Phòng giao dịch An Dương năm sau luôn cao hơn năm trước. Cụ thể:

Bảng 2.7: Tình hình thu nợ cho vay hộ nghèo tại Phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương (2015-2017).

(ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	2015		2016		2017		Chênh lệch			
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	2016/2015		2017/2016	
							Mức Tăng, giảm	Tỷ lệ (%)	Mức Tăng, Giảm	Tỷ lệ (%)
+ Hội nông dân	1.389	36,72	2.094	32,35	3.811	29,89	705	50,7	1.717	81,9
+ Hội phụ nữ	1.713	45,28	2.623	40,53	4.903	38,46	910	53,1	2.280	86,9
+Hội CCBình	589	15,57	1.560	24,10	3.573	28,03	971	164,8	2.013	129,0
+Đoàn T. Niên	92	2,43	195	3,01	460	3,60	103	111,9	265	135,8
Tổng	3.783	100	6.472	100	12.747	100				

(Nguồn số liệu: Phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương)

Nhìn vào bảng số liệu trên ta thấy tình hình doanh số thu nợ hộ nghèo thông qua các hội như sau:

+Hội Nông dân:

Năm 2015 doanh số thu nợ chỉ đạt 1.389 triệu, nhưng sang năm 2016 là 2.094 triệu, tăng 705 triệu so với năm 2015, với tỷ lệ tăng 50,7%. Bước sang năm 2017 doanh số thu nợ tăng 1.717 triệu đồng, đạt tốc độ tăng là 81,9%, so với năm 2016.

+Hội phụ nữ:

Từ nguồn vốn vay của NHCSXH nhiều hộ nghèo đã có điều kiện phát triển sản xuất trong quá trình vay vốn hầu hết sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả tăng thu nhập cải thiện đời sống gia đình. Tín hiệu đáng mừng là các Hội viên vay vốn có khả năng thanh toán với ngân hàng khi đến hạn. Năm 2016: 2.623 triệu tăng 910 triệu so với năm 2015, với tỷ lệ tăng lên đến 53,1%. Đến năm 2017: 4.903 triệu, tăng 2.280 triệu so với năm 2016 với tốc độ tăng 86,9%.

+Hội cựu chiến binh

Doanh số thu nợ qua các năm đều tăng. Doanh số thu nợ năm 2016 tăng so với năm 2015 là 971 triệu, tốc độ tăng 164,8%. Doanh số thu nợ năm 2017 tăng so với năm 2016 là 2.013 triệu đồng, tốc độ tăng 129,0%. Các hộ đã đứng ra tổ chức, vận động các hội viên ủng hộ tích cực tham gia vào quá trình sản xuất, hướng dẫn Cựu chiến binh phát triển kinh tế xóa đói giảm nghèo, nên việc thu nợ của Ngân hàng diễn ra thuận lợi. Hội Cựu chiến binh đã nâng cao đời sống vật chất tinh thần, bảo vệ quyền lợi chính đáng hợp pháp của cựu chiến binh, gắn với tham gia chính trị, kinh tế văn hoá xã hội ở địa phương.

+Đoàn Thanh niên:

Doanh số thu nợ năm 2016 tăng so với 2015 là 103 triệu đồng, tốc độ tăng 111,9%. Doanh số thu nợ năm 2017 tăng so với 2016 là 265 triệu đồng, tốc độ tăng 135,8%.

Nhìn chung, doanh số thu nợ hộ nghèo của Phòng giao dịch tương đối tốt. Chứng tỏ NHCSXH huyện An Dương hoạt động có hiệu quả. Bởi công tác thu

hội nợ đạt kết quả tốt và diễn ra thuận lợi còn chứng tỏ việc sử dụng vốn vay của hộ nghèo đúng mục đích và đạt hiệu quả tốt trong sản xuất kinh doanh.

*. Dư nợ:

Doanh số cho vay và doanh số thu nợ ảnh hưởng trực tiếp quy mô dư nợ và chất lượng dư nợ. Vì vậy quy mô tín dụng có được ngày càng nâng cao hay không cũng được thể hiện qua chỉ tiêu dư nợ. Mặt khác, dư nợ quá hạn phản ảnh về chất lượng tín dụng có đạt chỉ hiệu quả hay không ? Chỉ tiêu này dùng để đánh giá phân tích nguyên nhân nào tác động dẫn đến nợ quá hạn tăng hoặc giảm để ngân hàng có biện pháp xử lý.

Vì vậy, trong những năm qua Phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương đã có nhiều cố gắng và nỗ lực để ngày càng nâng cao về quy mô và chất lượng tín dụng, cụ thể được thể hiện qua tình hình dư nợ và dư nợ quá hạn qua 3 năm tại Phòng giao dịch như sau:

Bảng 2.8 Tổng dư nợ và số hộ vay uỷ thác chương trình cho vay hộ nghèo thông qua các tổ chức Chính trị - xã hội huyện An Dương.

Chỉ tiêu	2015		2016		2017	
	Tổng dư nợ (tr.đồng)	Số hộ còn dư nợ (hộ)	Tổng dư nợ (tr.đồng)	Số hộ còn dư nợ (hộ)	Tổng dư nợ (tr.đồng)	Số hộ còn dư nợ (hộ)
Hội Nông dân	20.744	980	24.315	950	29.046	712
Hội LHPN	22.605	765	26.333	650	31.718	486
Hội CC bình	8.018	495	10.463	276	10.557	220
Đoàn Thanh niên	827	110	2.270	64	2.644	66
Tổng dư nợ	52.194	2.350	63.381	1.940	73.965	1484

(Nguồn số liệu: Phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương)

Theo số liệu ở bảng (số 2.7), cho thấy dư nợ chương trình cho vay hộ nghèo của các Hội đoàn thể nhận uỷ thác qua các năm tăng lên. Trong đó, điều quan

tâm nhất là số hộ nghèo còn dư nợ qua các năm giảm rõ rệt; mức đầu tư cho hộ vay tăng lên qua các năm. Cụ thể:

+ *Hội Nông dân:*

Qua 3 năm (2015-2017), dư nợ do Hội Nông dân quản lý có sự tăng trưởng. Năm 2017 tỷ lệ tăng trưởng là 17,21% so với năm 2015, tổng dư nợ năm 2016 là 24.315 triệu đồng chiếm tỷ trọng 38,36% trên tổng dư nợ bình quân năm 2016. Bước sang 2017 tỷ lệ tăng trưởng tăng so với tỷ lệ năm 2016 là 19,45%. Số hộ còn dư nợ giảm; mức đầu tư bình quân cho hộ còn dư nợ năm 2017 là 14,2 triệu đồng/hộ dư nợ;

+ *Hội LHPN:*

Năm 2017 dư nợ đạt 31.718 triệu đồng tăng so với năm 2016 là 5.385 triệu đồng (tăng 20,44%); Năm 2016 dư nợ đạt 26.333 triệu đồng, tăng so với năm 2015 là 3.728 triệu đồng, đạt tốc độ tăng trưởng dư nợ khá cao (tăng 16,49%). Số hộ nghèo còn dư nợ giảm 100 hộ năm 2017 so với năm 2016; mức bình quân năm 2016 là 11,9 triệu tăng lên 15 triệu/hộ năm 2017.

+ *Hội Cựu chiến binh:*

Năm 2016 có tốc độ tăng trưởng dư nợ 2.445 triệu đồng, tốc độ tăng trưởng (30,49%) so với năm 2015; Năm 2017 dư nợ đạt 10.557 triệu đồng, tăng so với năm 2016 là 94 triệu đồng (tăng 0,89%). Số hộ còn dư nợ giảm và mức dư nợ bình quân tăng 13,5 triệu năm 2016 lên 16,6 triệu năm 2017.

+ *Đoàn Thanh niên:*

Việc cho vay đối với hộ nghèo ủy thác thông qua Đoàn thanh niên chiếm tỉ lệ thấp; dư nợ ủy thác tăng và số hộ nghèo dư nợ vẫn giảm.

Các tổ tiết kiệm và vay vốn, các tổ chức Chính trị-xã hội ở các xã đã hoạt động có hiệu quả trong lĩnh vực tín dụng và huy động tiết kiệm với việc lồng ghép các chương trình khác vào sinh hoạt. Tổ đã giúp các thành viên trong Hội chỉ bảo nhau làm ăn góp phần tạo dựng cuộc sống ổn định, vươn lên làm giàu trên chính mảnh đất quê hương mình.

2.2.2.4 Phân tích tình hình cho vay hộ nghèo theo ngành nghề.

Qua 3 năm hoạt động (2015-2017), Phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương ngoài việc thực hiện các mục tiêu, phương hướng đề ra thì Phòng giao dịch còn góp phần trong việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của huyện đề ra trong từng giai đoạn 2015-2017. Vì vậy, trong những năm qua cơ cấu cho vay theo các ngành kinh tế tại Phòng giao dịch huyện An Dương đều thực hiện theo định hướng chung của Nghị quyết Đảng bộ huyện và Thành uỷ. Cụ thể được thể hiện qua bảng số liệu sau:

Bảng 2.9: Tình hình cho vay hộ nghèo theo ngành nghề tại Phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương (2015-2017)

(ĐVT: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	2015		2016		2017		Chênh lệch			
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	2016/2015		2017/2016	
							Mức Tăng, Giảm	Tỷ lệ (%)	Mức Tăng Giảm	Tỷ lệ (%)
I. Doanh số cho vay	9.153	100	17.659	100	23.331	100	8.506	92,93	5.672	32,11
1. Nông nghiệp	8.328	90,9	16.030	90,7	19.559	83,83	7.702	92,48	3.629	22,63
2. Thủy-hải sản	276	3,01	780	4,41	1.309	5,61	504	182,6	529	67,82
4. Cho vay khác	549	5,99	849	4,80	2.463	10,55	300	54,64	1.614	190,1
II. Doanh số thu nợ	3.783	100	6.472	100	12.747	100	2.689	71,08	6.275	96,95
1. Nông nghiệp	3.511	92,80	5.978	92,37	11.934	93,62	2.467	70,26	5.956	99,63
2. Thủy hải sản	85	2,26	120	1,85	155	1,21	35	41,17	35	29,16
3. Cho vay khác	187	4,94	374	5,78	658	5,16	187	100	284	75,93
III. Dư nợ	52.194	100	63.381	100	73.965	100	11.187	21,43	10.584	16,69
1. Nông nghiệp	48.890	93,66	58.631	92,50	66.117	89,38	9.741	19,92	7.486	12,76
2. Thủy hải sản	1.878	3,59	2.093	3,30	2.865	3,87	215	11,44	772	36,88
3. Cho vay khác	1.426	2,73	2.657	4,19	4.983	6,73	1.231	86,32	2.326	87,54
IV. Dư nợ quá hạn (NQH)	1.205	100	918	100	914	100	-287	(23,8)	-4	(0,4)
1. Nông nghiệp	1.068	88,63	810	88,23	836	91,46	-258	(24,1)	26	3,2
2. Thủy hải sản	48	4,49	33	3,59	12	1,31	-15	(31,2)	-21	(63,6)
3. Cho vay khác	89	7,38	75	8,16	66	7,22	-14	(15,7)	-9	(12)
V. Tỷ lệ NQH chung (%)	2,1		2,4		2,5					

(Nguồn số liệu: Phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương)

Qua bảng số liệu trên, thể hiện hoạt động cho vay của Phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương chủ yếu là ngành nông nghiệp. Hai ngành này chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng doanh số cho vay hộ nghèo. Cụ thể, việc cho vay theo ngành kinh tế như sau:

+Doanh số cho vay ngành nông nghiệp qua 3 năm (2015-2017) có tỷ trọng trên tổng doanh số cho vay ngày một giảm (năm 2015 chiếm tỷ trọng 90,9% doanh số cho vay, đến năm 2017 chỉ còn chiếm 83,38% trên tổng doanh số cho vay. Nhưng vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong doanh số cho vay. Còn các ngành nghề khác thì tỷ trọng trên tổng doanh số cho vay ngày một tăng.

+Cho vay khác (chủ yếu mục đích sử dụng vốn của hộ nghèo là đầu tư vào buôn bán nhỏ): Năm 2016 có tốc độ tăng trưởng doanh số cho vay chỉ đạt 54,64% (tăng 300 triệu đồng) so với năm 2015, nhưng đến năm 2017 tốc độ tăng doanh số cho vay là 190,1% (tăng 1.614 triệu đồng) so với năm 2016.

Về việc tỷ trọng doanh số cho vay ngành nông nghiệp ngày một giảm, còn các ngành khác thì ngày một tăng là do:

+Trong những năm gần đây thực hiện theo định hướng chung của huyện là từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển ngành nghề ở từng địa phương.

+ Trong những năm qua tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp. Mặt khác điều kiện thời tiết khí hậu không thuận lợi, dẫn đến việc sản xuất kinh doanh của các hộ bị ảnh hưởng nghiêm trọng nhất là ngành nông nghiệp (sản xuất phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên như khí hậu, dịch bệnh ...). Làm cho các hộ có tâm lý muốn chuyển đổi sang ngành nghề khác để sản xuất kinh doanh.

Song song với việc tăng trưởng về doanh số cho vay, Phòng giao dịch cũng thực hiện tốt công tác thu nợ. Doanh số thu nợ qua 3 năm đã tăng đáng kể. Năm 2016 doanh số thu nợ chỉ đạt 6.472 triệu đồng, tăng 71,08% so với năm 2015, đến năm 2017 đạt 12.747 triệu đồng tăng 96,95% so với năm 2016. Doanh số thu nợ ngành nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng doanh số thu nợ (bình quân qua 3 năm tỷ trọng doanh số thu nợ ngành nông nghiệp chiếm

92,22% trong tổng doanh số thu nợ trong năm). Còn các ngành khác doanh số thu nợ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh số thu nợ.

Dư nợ cho vay đối với hộ nghèo thì năm sau luôn cao hơn năm trước, Trong đó dư nợ các ngành qua 3 năm cũng đều tăng, đặc biệt là ngành thủy hải sản nghiệp, cụ thể:

+Thủy hải sản: Năm 2016 có dư nợ 2.093 triệu đồng, tăng so với năm 2015 là 215 triệu đồng, với tốc độ tăng trưởng dư nợ đạt 11,44% so với năm 2015; Sang năm 2017 tốc độ tăng trưởng dư nợ là 36,88% (tăng 772 triệu đồng) so với năm 2016.

Trong 3 năm (2015-2017) tình hình nợ quá hạn tại Phòng giao dịch Huyện An Dương có xu hướng tăng nhưng chậm, điều này có nghĩa chất lượng tín dụng đối với cho vay hộ nghèo ngày càng được cải thiện và giữ được mức an toàn. Còn tình hình nợ quá hạn phân theo ngành nghề cũng ngày một giảm, điều này cũng tỷ lệ thuận với tình hình chung về nợ quá hạn tại Phòng giao dịch.

Mục đích vay vốn của hộ nghèo tại Phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương chủ yếu để đầu tư vào ngành nông nghiệp, tiếp đến là thủy hải sản và cho vay khác. Tỷ trọng giữa các ngành này có xu hướng ngày càng thu hẹp, điều này thể hiện sự chuyển dịch về cơ cấu giữa các ngành nghề với nhau, phù hợp với chủ trương, chính sách của huyện .

2.3. Đánh giá thực trạng cho vay xóa đói giảm nghèo tại Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện An Dương.

2.3.1. Những ưu điểm.

Ngân hàng CSXH huyện An Dương trong quá trình hoạt động bước đầu có nhiều khó khăn và trở ngại, nhưng với sự nỗ lực của tập thể cán bộ Ngân hàng thì Ngân hàng CSXH huyện An Dương đã triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao và hoàn thành tốt công việc của mình. Góp phần không nhỏ vào việc thực hiện xóa đói giảm nghèo mà Đảng và Nhà Nước đã giao phó.

Ngân hàng CSXH huyện An Dương đã đưa nguồn vốn ưu đãi của Chính phủ đến các hộ nghèo. Giúp họ mở rộng sản xuất kinh doanh, có vốn làm

ăn, cải thiện đời sống, tạo việc làm và tăng thêm thu nhập cho người nghèo. Ngân hàng đã giúp các hộ nghèo phấn khởi vay vốn đầu tư và mang lại hiệu quả thiết thực cho gia đình và xã hội. Ngân hàng CSXH huyện An Dương thực sự là chỗ dựa cho hộ nghèo vay vốn.

Bên cạnh đó để đáp ứng nhu cầu vay vốn dài hạn cho hộ nghèo, nhất là hộ nghèo trong lĩnh vực sản xuất Nông nghiệp với chu kỳ sản xuất kinh doanh dài và phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên. Ngân hàng CSXH huyện An Dương đã cho vay trung và dài hạn, tạo điều kiện cho hộ nghèo dần trả khả năng trả nợ được thuận lợi và đúng quy định. Từ đó nhận được sự ủng hộ của hộ nghèo. Trong 3 năm 2015-2016-2017 Ngân hàng CSXH huyện An Dương đã giải quyết cho nhiều hộ nghèo vay vốn ưu đãi, góp phần nâng cao thu nhập cho người nghèo từ đó giải quyết mục tiêu xóa đói giảm nghèo trên địa bàn huyện.

Ngân hàng CSXH huyện An Dương đã thực hiện phương thức ủy thác cho vay qua các tổ chức chính trị xã hội như: Hội Phụ Nữ, Hội Nông Dân, Hội Cựu Chiến Binh, Đoàn Thanh Niên, từ đó làm cho việc quản lý nguồn vốn sát với đối tượng cho vay chặt chẽ và có hiệu quả.

Ngân hàng CSXH huyện An Dương đã thường xuyên tuyên tăng cường tuyên truyền các chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà Nước, của các ngành các cấp. Đã triển khai thực hiện một cách đồng bộ và có hiệu quả nguồn vốn cho vay hộ nghèo. Tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo tiếp cận nguồn vốn vay có hiệu quả. Đã xây dựng xong mạng lưới giao dịch từ huyện đến xã tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo từ khâu đi vay đến khâu trả nợ.

2.3.2. Những tồn tại , hạn chế:

VỀ nguồn vốn cho vay hộ nghèo

- Nguồn vốn cho vay chủ yếu là nguồn vốn được NHCSXH Việt Nam phân bổ hàng năm, vốn huy động trong cộng đồng dân cư, các tổ chức xã hội chiếm tỷ lệ nhỏ. Do đó nguồn vốn cho vay hộ nghèo không chủ động mà phụ thuộc vào sự phân bổ của trên.

- Vốn tín dụng ưu đãi đã tăng trưởng ở mức cao trong những năm gần đây, nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu về vốn cho hộ nghèo và các đối tượng

chính sách khác, vẫn còn tình trạng cho vay dàn trải, cho vay món nhỏ, mang tính “cào bằng”, mức cho vay thực tế bình quân đối với các hộ nghèo còn thấp, một bộ phận hộ nghèo chưa tiếp cận với vốn tín dụng ưu đãi.

Về cho vay ủy thác qua các tổ chức hội.

- Tồn tại lớn nhất hiện nay là các tổ chức chính trị xã hội chưa bao quát toàn diện cả 6 nội dung công việc được ủy thác, chỉ chủ yếu quan tâm đến việc giải ngân cho vay mà bỏ qua những nội dung công việc khác đó là tồn tại lớn nhất hiện nay mà các tổ chức chính trị xã hội chưa bao quát toàn diện tất cả nội dung công việc được ủy thác.
- Phí dịch vụ ủy thác chưa phù hợp do dư nợ có tăng nhưng bị cắt giảm nên mức phí được thụ hưởng của hội cấp xã còn nhỏ.
- Mối liên hệ giữa NHCSXH với các tổ chức chính trị xã hội có nơi, có lúc chưa được tốt. Chưa thực hiện tốt chế độ giao ban giữa NHCSXH với các tổ chức chính trị xã hội cùng cấp để giải quyết những vướng mắc, tồn tại trong quá trình triển khai.

Về Tổ Tiết kiệm và vay vốn.

- Hiện nay việc củng cố, sắp xếp lại tổ TK&VV được xem là công việc được đặt lên hàng đầu và là việc làm thường xuyên, nên việc củng cố sắp xếp lại và chuyển đổi hoạt động của tổ theo phương thức mới là việc làm khá khó khăn, phải làm lâu dài, từng bước hoàn thiện bổ sung, chỉnh sửa cho phù hợp.
- Cần có những nghiên cứu sâu hơn về tổ TK&VV vì đây là khâu qua trọng nhất nhưng cũng là khâu còn yếu nhất trong quá trình thực hiện chính sách tín dụng xã hội ở cấp cơ sở. Để hoàn thiện mô hình của NHCSXH trên địa bàn huyện
- Cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tất cả các công việc của tổ trên cơ sở tách bạch chức năng quản lý của các hội với tư cách là người nhận ủy thác, chức năng trực tiếp điều hành hoạt động của tổ TK&VV, các cán bộ lãnh đạo hội không nên kiêm nhiệm làm tổ trưởng, ban quản lý tổ TK&VV.

2.3.3. Nguyên nhân:

An Dương là một huyện ngoại thành nên kinh tế của huyện phát triển chậm so với mặt bằng chung của thành phố Hải Phòng; cơ sở hạ tầng của huyện

chưa phát triển mạnh. Trong những năm gần đây do yêu cầu của quá trình đô thị hóa nên đất nông nghiệp bị thu hẹp lại, việc di dời giải tỏa diễn ra trên diện rộng, nhiều dự án kéo dài nên ảnh hưởng đến đời sống nhân dân .

Nguồn vốn cho vay chủ yếu dựa vào nguồn bổ sung hàng năm của Trung ương; nhu cầu về vốn để cho vay xoá đói giảm nghèo của huyện cũng đang còn rất lớn, do đó còn đang rất cần nguồn vốn của Trung ương và của thành phố để huyện thoát nghèo một cách bền vững.

CHƯƠNG III. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHO VAY

HỘ NGHÈO TẠI NHCXSXH HUYỆN AN DƯƠNG

3.1 Định hướng hoạt động của ngân hàng chính sách xã huyện An Dương

3.1.1 Định hướng hoạt động của NHCSXH Việt Nam đến năm 2020

1. Tín dụng chính sách xã hội là giải pháp để thực hiện mục tiêu giảm nghèo một cách cơ bản và bền vững, vì vậy cần tổ chức, triển khai thực hiện tích cực và hiệu quả chính sách này.

2. Nâng cao năng lực hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội để thực sự là công cụ thực hiện có hiệu quả tín dụng chính sách của Nhà nước về hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần thực hiện thành công Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, Chương trình giảm nghèo bền vững đến năm 2020 và Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020.

3. Các chương trình phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến tín dụng chính sách xã hội được ban hành thống nhất và bố trí đủ nguồn lực để thực hiện.

4. Định hướng hoạt động

a) Đối tượng phục vụ của Ngân hàng Chính sách xã hội là người nghèo, các đối tượng chính sách khác theo quy định của Nhà nước và các đối tượng được các tổ chức, cá nhân ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội trực tiếp cho vay. Ưu tiên hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào ở các vùng khó khăn.

b) Tiếp tục triển khai và nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ; đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ ngân hàng như: Tiết kiệm; thanh toán; chuyển tiền..

3.1.2 Định hướng hoạt động cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện An Dương.

Trên cơ sở những định hướng phát triển của NHCSXH Việt Nam, NHCSXH huyện An Dương đã đưa ra định hướng hoạt động cho giai đoạn 2018-2020.

- Mở rộng quy mô của phòng giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu vay của hộ nghèo, và đối tượng chính sách, đảm bảo 100% vốn vay phải đến được tay của người cần vay vốn.
- Thực hiện tốt các chương trình, mục tiêu về chính sách đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách của thành phố. Đồng thời, đẩy mạnh việc

tuyên truyền về chính sách vay vốn, nhất là các chương trình mới đến mọi tầng lớp nhân dân dưới nhiều hình thức. Kiểm soát chặt chẽ việc công khai bình xét hộ nghèo, cận nghèo, quản lý các đối tượng vay để bảo đảm hiệu quả đồng vốn; tham mưu bổ sung nguồn vốn ủy thác tại địa phương sang NHCSXH để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác; xem xét, đề xuất điều chỉnh nguồn vốn vay, các chương trình cho vay phù hợp với nhu cầu của người dân trên địa bàn huyện.

- Kiên trì triển khai mô hình quản lý, củng cố nâng cao chất lượng điểm giao dịch xã, tổ TK&VV; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát giúp cơ sở chấn chỉnh kịp thời các tồn tại.
- Thường xuyên có kế hoạch tổ chức cho cán bộ được đào tạo (6 tháng/lần). Hướng dẫn, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu, thường xuyên trang thiết bị thêm hiểu biết về pháp luật, ngoại ngữ, tin học... tạo điều kiện cho họ nâng cao trình độ kiến thức và năng lực kinh nghiệm làm việc. Có kế hoạch tăng cường, bồi dưỡng cán bộ nhân viên cả số lượng và chất lượng bằng cách cử họ đi đào tạo học đại học, cao học. Kiên quyết thực hiện, sắp xếp lại những cán bộ không đáp ứng được yêu cầu công việc

3.2 Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay xóa đói giảm nghèo tại phòng giao dịch chính sách xã hội huyện An Dương.

- Thực hiện giải ngân kịp thời chỉ tiêu kế hoạch tín dụng hàng năm, hệ số sử dụng vốn đạt trên 99%/ năm, vốn tồn đọng bình quân hàng tháng dưới 500 triệu đồng; thu nợ đến hạn đạt trên 95% kế hoạch, thu lãi đạt trên 98% kế hoạch; tỷ lệ nợ quá hạn dưới 1%.
- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động để các hộ nghèo và các đối tượng chính sách thấy rõ được lợi ích của mình khi quan hệ gắn bó với chi nhánh, cảm nhận được sự phát triển của Ngân hàng sẽ tác động tích cực tới sự cải thiện đời sống kinh tế của họ, có như vậy họ mới quan tâm tới sự phát triển của Ngân hàng.
- Có cơ chế giải ngân linh hoạt, kết hợp giữa quy mô cấp tín dụng, lãi suất áp dụng cho các khoản vay tín dụng với số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng. Việc ràng buộc giữa tiết kiệm và giải ngân vốn ưu đãi là cách thức sử dụng linh hoạt đòn bẩy tín dụng ưu đãi để khuyến khích người nghèo có thói quen tiết kiệm.

- Triển khai các cách thức huy động vốn trên thị trường đa dạng. Chú trọng các giải pháp linh hoạt và chú ý đến tiện ích tiết kiệm sẽ thu hút được tiền gửi của khách hàng. Chẳng hạn huy động tiền gửi góp của các hộ vay thông qua tổ TK&VV ...

3.2.1 Đẩy mạnh hoạt động huy động vốn để đáp ứng nhu cầu vay vốn ngày càng tăng của hộ nghèo.

- **Cơ sở giải pháp:**

- Nguồn vốn cho vay còn hạn chế, chủ yếu vốn từ NHCSXH thành phố cấp (chiếm 98%) không đủ để cho vay dẫn đến cần phải huy động vốn để đáp ứng nhu cầu cho vay của hộ nghèo.

- **Nội dung:**

- Trong công tác huy động vốn cần thực hiện việc đa dạng hóa các nguồn vốn, theo mức ưu tiên về chi phí huy động, NHCSXH cần tập trung huy động các nguồn vốn có lãi suất thấp.

- NHCSXH cần tranh thủ sự ủng hộ của các cơ quan, đoàn thể, các cấp bộ ngành từ trung ương tới địa phương, vận dụng có hiệu quả chủ trương xã hội hóa công tác xóa đói giảm nghèo của Nhà nước vào công tác huy động vốn cho mục đích cho vay hộ nghèo của ngân hàng.

- Nêu cao quan điểm “thực hiện công cuộc XDGN phải khơi dậy ý thức tự vươn lên của người nghèo” NHCSXH cần đẩy mạnh huy động vốn từ hộ nghèo nhằm tạo cho hộ nghèo có thói quen tiết kiệm, tích lũy nguồn vốn để mở rộng đầu tư, hạn chế tâm lý ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

- Ngoài ra, NHCSXH cũng nên nghiên cứu, xem xét đến việc đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị hiện đại để tham gia thị trường liên ngân hàng, như vậy, NHCSXH sẽ có cơ hội tạo được nguồn vốn hình thành trong thanh toán, góp phần làm tăng vốn huy động.

- **Kết quả của giải pháp:**

- Tạo nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu vay của hộ nghèo
- Giảm áp lực cho NHCSXH Trung Ương

- Tăng nguồn thu cho phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương

3.2.2 Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát kết hợp với hướng dẫn hộ nghèo quản lý sử dụng vốn có hiệu quả.

- **Cơ sở giải pháp:**

- Công tác kiểm tra, kiểm soát lỏng lẻo.
- Việc phân bổ và quản lý chưa hợp lý

- **Nội dung:**

- Để góp phần nâng cao vai trò và hiệu quả đồng vốn cho vay, NHCSXH huyện cần có cơ chế cho vay, kiểm soát vốn vay đảm bảo tính chặt chẽ, khoa học. Vì hộ nghèo ít cơ hội và kiến thức kinh doanh nên “dự án” sản xuất kinh doanh của họ thường do chính NHCSXH tham gia tư vấn, xây dựng. Cần phải có chiến lược lâu dài, bắt đầu từ món vay nhỏ để họ làm quen, học hỏi kinh nghiệm làm ăn, từng bước nâng cao trình độ hiểu biết trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh... đến món cho vay lớn hơn để họ đủ ăn và có vốn tích lũy và từng bước thực hiện thành công quá trình thoát nghèo.

- Mặt khác, trong cho vay hộ nghèo, hộ vay không phải thế chấp cầm cố tài sản để đảm bảo tiền vay, không có bất kỳ ràng buộc nào về mặt pháp lý, một số trường hợp còn lạm dụng vốn vay vào mục đích tiêu dùng... hoặc hộ nghèo sản xuất kinh doanh bị thua lỗ cho nên vốn của ngân hàng dễ gặp rủi ro. Do đó, NHCSXH huyện cần thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra, kiểm soát theo kế hoạch hoặc đột xuất để kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những thiếu sót trong quy trình, thủ tục cho vay. Phối hợp chặt chẽ với các hội đoàn thể và tổ tiết kiệm vay vốn trong việc kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay của hộ nghèo, đảm bảo việc sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả kinh tế cao.

- Đồng thời với công tác kiểm tra, giám sát, NHCSXH cần đưa ra các quyết định xử lý sau kiểm tra đảm bảo hợp tình, hợp lý, vừa ngăn chặn kịp thời các trường hợp sử dụng vốn sai mục đích, vừa khuyến khích được hộ nghèo hăng hái tham gia sản xuất kinh doanh, tiếp nhận các phản ánh về

nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của hộ nghèo để tìm cách hỗ trợ, giúp đỡ trong khả năng và quy định cho phép...

Công tác kiểm tra, giám sát chỉ phát huy đầy đủ tác dụng khi được gắn liền với việc xử lý kết quả kiểm tra, giám sát. Kiểm tra, giám sát thường xuyên, chính xác kết hợp với xử lý nghiêm minh, hợp tình hợp lý sẽ góp phần tạo ra môi trường cho vay chuyên nghiệp, hỗ trợ hộ nghèo sử dụng vốn vay hiệu quả, đồng thời cũng giúp ngân hàng quản lý tốt được vốn cho vay hộ nghèo.

- **Kết quả của giải pháp:**

- Phòng giao dịch NHXSXH huyện An Dương kiểm tra, kiểm soát tốt các khoản vay nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả của các món vay, tăng khả năng thu hồi nợ

3.2.3 Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- **Cơ sở giải pháp:**

- Đội ngũ các bộ còn yếu kém, ít cập nhật thông tin, ít được đào tạo lại (đa số nhân viên từ 50 tuổi trở lên)
- Nhân viên hợp còn thiếu kinh nghiệm, công tác nghiệp vụ còn kém, chưa được đào tạo nhiều.

- **Nội dung:**

- Hiện nay, NHCSXH huyện An Dương có 10 nhân viên, trong đó có 9 nhân viên chính thức và 1 nhân viên hợp đồng. Với địa bàn huyện khá rộng, 16 đơn vị hành chính xã, thị trấn thì mỗi cán bộ phải thực hiện khối lượng công việc tương đối lớn. Hơn nữa, trong số cán bộ của NHCSXH huyện không có cán bộ nào được đào tạo về công nghệ thông tin, hạn chế về khả năng quản lý. Do vậy, trong thời gian tới NHCSXH huyện An Dương cần xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ; đồng thời xây dựng quỹ hỗ trợ công tác giáo dục, đào tạo cho cán bộ ngân hàng, có quy chế chi tiêu cụ thể, tạo điều kiện cho cán bộ có cơ hội học tập, nâng cao trình độ, từ đó khuyến khích cán bộ hăng say học tập, làm việc, nâng cao năng lực chuyên môn, ý thức nghề nghiệp.

- việc học tập nâng cao trình độ cho cán bộ cũng cần thực hiện thông qua công việc thực tế, cán bộ học hỏi lẫn nhau. Thực tiễn cho thấy đây chính là hình

thức đào tạo nhanh nhất, ít tốn kém nhất mà lại đạt hiệu quả tốt nhất. Phát huy tinh thần tự học hỏi và học hỏi lẫn nhau, học hỏi từ bạn bè, đồng nghiệp, NHCSXH huyện cần có kế hoạch đào tạo lại tay nghề cho đội ngũ cán bộ ngân hàng theo hướng mỗi cán bộ phải tinh thông các lĩnh vực nghiệp vụ ngân hàng để làm tốt nghiệp vụ giao dịch; hướng dẫn chuyên môn cho các cán bộ kiêm nhiệm công tác ủy thác trong tổ chức chính trị - xã hội và cả nhân viên làm nghiệp vụ ủy thác cho vay, nhất là cán bộ hội ở cấp xã, cán bộ Ban quản lý Tổ TK&VV, coi đây là nhiệm vụ quan trọng thực hiện thường xuyên có như vậy chất lượng hoạt động của ngân hàng mới được nâng cao và thực sự là người đồng hành đáng tin cậy của người nghèo trong công cuộc XDGN.

- Các giải pháp đưa ra ở trên có khả thi hay không, ngoài yếu tố chủ quan từ phía NHCSXH thì phần lớn phụ thuộc vào sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ của các ngành, các cấp liên quan.

- **Kết quả của giải pháp:**

- Nâng cao chất lượng cán bộ tín dụng
- kiểm soát tốt các hoạt động cho vay đối với hộ nghèo
- Tăng khả năng quản lý đối với ban lãnh đạo

3.2.4 Nâng cao chất lượng hoạt động ủy thác cho vay hộ nghèo thông qua các tổ chức chính trị - xã hội.

- **Cơ sở giải pháp:**

- Quan tâm giải ngân chưa quan tâm đủ 6 lĩnh vực ủy thác.
- Mối quan hệ giữa phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương với các tổ chức chính trị còn lỏng lẻo.
- Phí ủy thác còn chưa hợp lý.

- **Nội Dung:**

- Ủy thác cho vay hộ nghèo là cách làm thể hiện sự sáng tạo của người Việt, vừa tận dụng được bộ máy của hệ thống chính trị cơ sở, giảm chi phí quản lý, vừa tạo điều kiện lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế- xã hội khác, vừa xây dựng được mối liên hệ gắn bó chặt chẽ với hộ nghèo thông qua quan hệ với các hội, đoàn thể quần chúng ở cơ sở: Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể như Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên... gắn bó chặt chẽ với NHCSXH để cùng nhau thực hiện nhiệm vụ xóa đói giảm

nghèo. Qua thực tế hoạt động cho thấy, cho vay ủy thác là hình thức cho vay tiên tiến, phù hợp với điều kiện hiện nay của Việt Nam. Phương thức cho vay ủy thác qua các hội đoàn thể vừa đáp ứng được yêu cầu quản lý tốt vốn vay (cho vay đúng đối tượng mà không mất nhiều chi phí cho việc liên hệ, tìm người vay vốn; tranh thủ được mối quan hệ giữa hội đoàn thể, tổ tiết kiệm vay vốn và hộ nghèo để tạo thuận lợi trong việc quản lý vốn vay...), vừa giảm được chi phí trong quá trình từ thẩm định đến giải ngân vay vốn (thông qua ủy thác các hội đoàn thể, ngân hàng giảm được nhiều công đoạn thẩm định, kiểm tra hồ sơ...), đồng thời lại có được sự phối hợp của các hội đoàn thể trong việc hướng dẫn hộ nghèo phát triển sản xuất kinh doanh, triển khai thực hiện dự án theo đúng mục đích vay vốn, đảm bảo khả năng sinh lời của dự án cũng như khả năng trả lãi và nợ gốc của hộ nghèo, giúp hộ nghèo nâng cao chất lượng cuộc sống, từng bước vươn lên thoát nghèo thành công.

Do vậy, NHCSXH huyện cần củng cố mở rộng hơn nữa phương thức ủy thác từng phần cho các đoàn thể chính trị xã hội đối với tất cả các chương trình cho vay tới hộ và kiên trì đổi mới cơ chế quản lý, tách bạch giữa bộ phận quản trị ngân hàng với bộ phận tác nghiệp, bộ phận kiểm tra giám sát hoạt động, khắc phục tình trạng quản lý vừa đá bóng vừa thổi còi. Để các tổ chức hội thực hiện tốt hơn nhiệm vụ của mình, NHCSXH huyện cần thường xuyên mở các lớp tập huấn nghiệp vụ nhằm nâng cao trình độ quản lý cũng như kỹ năng nghiệp vụ cho vay hộ nghèo của các tổ chức hội cấp xã để họ thực sự trở thành đội ngũ cán bộ tin dụng chuyên quản. Đồng thời, NHCSXH cần có mức phí uỷ thác hợp lý cho từng loại hình tổ chức nhận uỷ thác nhằm đảm bảo bù đắp chi phí hoạt động để khuyến khích việc giải ngân đến các đối tượng đồng thời có đủ chi phí bù đắp rủi ro do nguyên nhân khách quan khi không thu hồi được cả vốn và lãi.

- **Kết quả của giải pháp:**

- Tăng cường mối quan hệ giữa phòng giao dịch NHCSXH huyện An Dương với các đơn vị ủy thác.
- giải ngân đủ và hợp lý 6 lĩnh vực.

Kết Luận: Để nâng cao hiệu quả công tác cho vay đối với hộ nghèo thì phòng giao dịch nên tập trung vào 4 giải pháp: (1): Đẩy mạnh hoạt động huy động vốn để đáp ứng nhu cầu vay vốn ngày càng tăng của hộ nghèo; (2): Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát kết hợp với hướng dẫn hộ nghèo quản lý sử dụng vốn có hiệu quả; (3): Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; (4): Nâng cao chất lượng hoạt động ủy thác cho vay hộ nghèo thông qua các tổ chức chính trị - xã hội.

KẾT LUẬN

Ở nước ta, ngoài tác động của quy luật giá trị phân hoá những người sản xuất hàng hoá nhỏ, tình trạng nghèo đói còn do hậu quả của chế độ thực dân phong kiến, của chiến tranh và thiên tai liên tiếp. Xét trên cả phương diện lý luận và thực tiễn, chương trình xóa đói giảm nghèo đóng vai trò quan trọng và là một đòi hỏi bức xúc trong sự nghiệp phát triển kinh tế đất nước. Tín dụng đối với hộ nghèo là một trong những yếu tố vật chất thúc đẩy nhanh quá trình xóa đói giảm nghèo.

Việc Ngân hàng Chính sách xã hội cấp các khoản tín dụng và thực hiện chính sách cho người nghèo vay là một biện pháp tích cực, tại huyện An Dương cho thấy mô hình này mới đi vào hoạt động còn đang trong giai đoạn hoàn thiện, nhưng bước đầu đã khẳng định được vai trò trách nhiệm cộng đồng giữa người nghèo rất thiết thực.

Qua nghiên cứu thực trạng cho vay hộ nghèo tại NHCSXH huyện An Dương, khóa luận đưa ra một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng cho vay hộ nghèo trên địa bàn.

1. Tăng tính chủ động trong hoạt động cho vay thông qua việc đa dạng hóa các chương trình của Ngân hàng.
2. Xây dựng mô hình Ngân hàng hoạt động hiệu quả
 - Xây dựng NHCSXH huyện An Dương.
 - Xây dựng tổ tiết kiệm và vay vốn.
3. Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát.
5. Phòng chống rủi ro tín dụng, rủi ro đạo đức.
6. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương.
7. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền.

Những kiến nghị, đề xuất trong đó chỉ là một đóng góp nhỏ trong tổng thể các giải pháp nâng cao chất lượng cho vay hộ nghèo trên địa bàn huyện An Dương. Em tin những giải pháp này sẽ phát huy tác dụng nếu có sự tham gia nỗ lực của bản thân

Ngân hàng cũng như nhận được sự ủng hộ phối hợp của các ban ngành liên quan trong quá trình thực hiện.

Với khả năng và kinh nghiệm còn hạn chế của mình để hoàn thành bản khoá luận, bản thân em hy vọng sẽ góp một phần nhỏ kiến thức của mình để nâng cao chất lượng tín dụng cho vay hộ nghèo, thực trạng và giải pháp vào việc giải quyết những vấn đề còn tồn tại trong thực tiễn hoạt động của NHCSXH địa phương.

Tuy nhiên đây là vấn đề rất rộng, rất phức tạp và nhạy cảm, trong khi đó thời gian nghiên cứu, tìm hiểu cũng như khả năng nhận thức của bản thân còn nhiều hạn chế nên bản khoá luận không tránh khỏi nhiều thiếu sót, vì vậy bản thân em rất mong muốn nhận được sự góp ý của Ngân hàng cơ sở, các Thầy cô giáo và tất cả những ai quan tâm đến vấn đề này để cùng góp phần thực hiện thành công sự nghiệp xoá đói giảm nghèo của đất nước.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lý Hoàng Anh – Nguyễn Đăng Dờn (đồng chủ biên), (2014), Giáo trình thẩm định tín dụng Trường đại học Ngân hàng TP.HCM.
2. Lê Thâm Dương (chủ biên), (2006) giáo trình Nghiệp vụ ngân hàng.
3. Quyết định 783/QĐ-HĐQT ngày 29/7/2003 của Hội đồng quản trị NHCSXH ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ tiết kiệm và vay vốn.
4. Văn bản 316/NHCS-TD của Tổng giám đốc về việc hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hộ nghèo.
5. Báo cáo kết quả hoạt động của NHCSXH quận Hồng Bàng trong 3 năm 2015 – 2017.
6. Website : <http://nhcsxhaiiphong.org.vn/hon-30-000-luot-ho-ngheo-chinh-sach-duoc-tiep-can-von-vay-uu-dai/>
7. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Quyet-dinh-59-2015-QD-TTg-chuan-ngheo-tiep-can-da-chieu-ap-dung-2016-2020-296044.aspx>
8. Website : <http://www.vaytinchapnganhangvpbank.net/hai-phong.html>
9. Website : <https://vi.wikipedia.org>
10. Website của NHCSXH Việt Nam: <http://nhcsxh.chinhphu.vn>
11. Website : <http://baohaiphong.com.vn>